



CÔNG TY TNHH DÂY CÁP ĐIỆN VAN XUÂN
CÔNG TY TNHH DÂY CÁP ĐIỆN VAN XUÂN

VAN XUÂN

Dây Cáp Điện

VAN XUAN WIRE AND CABLE

ANGUST STAR

VALXUCCO

TIẾN PHONG

EE HAN SUN



www.vanxuanwire.com.vn



Thủy tinh điện dung	11 - 16
Cáp điện lực ruột đồng	17 - 20
Cáp điện lực ruột nhôm	20 - 22
Cáp điện lõi thép	24
Cáp thông tin xoắn	25 - 26
Cáp điện thoại	27 - 28
Cáp điện quang	28 - 32
Cáp điện chống sét	40 - 44
Bảng điện nhôm	45 - 46

Building wire	11 - 16
Power cable, copper-conductor	17 - 20
Power cable, aluminum-conductor	20 - 22
Steel cable	24
Signal/communication cables	25 - 26
Control cables	27 - 28
Fiber-optic cables	28 - 32
Shielding cables	40 - 44
Current ratings	45 - 46









Địa chỉ: 10 Nguyễn Văn Trỗi, Quận Tân Phú, TP. HCM

Website: www.vietnamoilandgas.com.vn



CHUYÊN CẤP ĐIỆN

CẤP ĐIỆN NGƯỜI

Chào mừng quý khách đến với Công ty Dầu và Khí Việt Nam.

Chào mừng quý khách đến với Công ty Dầu và Khí Việt Nam.

Chào mừng quý khách đến với Công ty Dầu và Khí Việt Nam.

Chào

CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ VIỆT NAM

CHUYÊN CẤP ĐIỆN NGƯỜI

Chào mừng quý khách đến với Công ty Dầu và Khí Việt Nam. Chúng tôi chuyên cung cấp các dịch vụ cấp điện cho các doanh nghiệp, cá nhân và tổ chức.

Chào mừng quý khách đến với Công ty Dầu và Khí Việt Nam.

TEL: 0904.1094.81 - FAX: 0904.1094.82 - 0904.1094.83



Chào mừng quý khách đến với Công ty Dầu và Khí Việt Nam.

Chào mừng quý khách đến với Công ty Dầu và Khí Việt Nam. Chúng tôi chuyên cung cấp các dịch vụ cấp điện cho các doanh nghiệp, cá nhân và tổ chức.

Chào mừng quý khách đến với Công ty Dầu và Khí Việt Nam.

Chào mừng quý khách đến với Công ty Dầu và Khí Việt Nam.

Chào mừng quý khách đến với Công ty Dầu và Khí Việt Nam.



Chào Mừng Quý Khách

Chào mừng quý khách đến với Công ty Dầu và Khí Việt Nam.



CÔNG TY TNHH CÁP VÀ DÂY THẠNH
CÔNG TY TNHH CÁP VÀ DÂY THẠNH



THÀNH LẬP NĂM 1998

CÁP ĐIỆN NGUYÊN

Địa chỉ: 100 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 0903 123 456 789 FAX: 0903 123 456 789
E-MAIL: info@tanthuan.vn

100

CÁP ĐIỆN NGUYÊN VÀ CÁP ĐIỆN NGUYÊN

Cáp điện nguyên và cáp điện nguyên là loại cáp

được sử dụng để truyền tải điện

CÁP ĐIỆN NGUYÊN VÀ CÁP ĐIỆN NGUYÊN

Địa chỉ: 100 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM



Địa chỉ: 100 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại: 0903 123 456 789 FAX: 0903 123 456 789

Điện thoại: 0903 123 456 789 FAX: 0903 123 456 789

Điện thoại: 0903 123 456 789 FAX: 0903 123 456 789



Tan Thuan Cable

CÔNG TY TNHH CÁP VÀ DÂY THẠNH



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ



CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM

CERTIFICATE

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ

CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM

CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM

CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM

CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM



CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM

CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM

CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM

CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM

CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM

CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM

CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM

CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM

CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM



Công ty Dầu và Khí Điện Việt Nam

CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM



THÔNG BÁO THÔNG TIN CÔNG TY

Thông tin công ty và các chỉ số cơ bản



THANH TRUNG TRADING

CÔNG TY TNHH CÁP VÀ DÂY THẠNH

Công ty TNHH Cáp và Dây Thanh (TTC) là một công ty chuyên sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cáp và dây điện có nguồn gốc từ Việt Nam.

Địa chỉ: 100 Đường 100

Điện thoại: 0909 123 456
Email: info@tanthuan.vn

Website

CÔNG TY TNHH CÁP VÀ DÂY THẠNH

Địa chỉ: 100 Đường 100, Quận 10, TP. HCM

Điện thoại: 0909 123 456

Tên: TAN THUAN - 100 ĐƯỜNG 100



Địa chỉ: 100 Đường 100, Quận 10, TP. HCM

Thông tin công ty: THÔNG TIN CÔNG TY VÀ CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN
CÔNG TY TNHH CÁP VÀ DÂY THẠNH (TTC) là một công ty chuyên sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cáp và dây điện có nguồn gốc từ Việt Nam.

Địa chỉ: 100 Đường 100

Điện thoại: 0909 123 456

Website: info@tanthuan.vn

Địa chỉ: 100 Đường 100, Quận 10, TP. HCM

Tên: TAN THUAN - 100 ĐƯỜNG 100

Điện thoại: 0909 123 456



Tan Thuan Cable

THANH TRUNG TRADING



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT KẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT KẾ



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT KẾ

CHUYÊN NGÀNH THIẾT KẾ

Chuyên ngành: Thiết kế đồ họa và truyền thông đa phương tiện (Mã ngành: 8620.02.01)

Chức danh người hướng dẫn: TS. NGUYỄN VĂN AN (Trưởng Khoa Thiết kế)

Người hướng dẫn:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT KẾ (TRƯỜNG ĐẠI HỌC)

CHUYÊN NGÀNH THIẾT KẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT KẾ (TRƯỜNG ĐẠI HỌC)



CHUYÊN NGÀNH THIẾT KẾ

Chuyên ngành: Thiết kế đồ họa và truyền thông đa phương tiện (Mã ngành: 8620.02.01)

Chức danh người hướng dẫn: TS. NGUYỄN VĂN AN

Chức danh người hướng dẫn: TS. NGUYỄN VĂN AN

Chức danh người hướng dẫn: TS. NGUYỄN VĂN AN



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT KẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT KẾ (TRƯỜNG ĐẠI HỌC)



Thị trấn Tân Xuân, xã Tân Xuân, huyện Tân Xuân, tỉnh Bình Thuận

Website: www.vanxuan.vn



090.300.0000 - 090.300.0001

CHUYÊN CHĂM SÓC

THI CÔNG: Lắp đặt điện dân dụng, điện công nghiệp, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống điện truyền tải, hệ thống điện phân phối.

THI CÔNG: Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống điện truyền tải, hệ thống điện phân phối.

THI CÔNG:

CÔNG TY ĐIỆN VÀ CẤP ĐIỆN VẠN XUÂN

Địa chỉ: Thị trấn Tân Xuân, xã Tân Xuân, huyện Tân Xuân, tỉnh Bình Thuận

Website: www.vanxuan.vn

090.300.0000 - 090.300.0001



THI CÔNG: Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống điện truyền tải, hệ thống điện phân phối.

THI CÔNG: Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống điện truyền tải, hệ thống điện phân phối.

THI CÔNG: Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống điện truyền tải, hệ thống điện phân phối.

THI CÔNG: Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống điện truyền tải, hệ thống điện phân phối.

THI CÔNG: Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống điện truyền tải, hệ thống điện phân phối.



Điện Vạn Xuân

090.300.0000 - 090.300.0001





© 2004 Blackwell Publishing Ltd *Journal of Internal Medicine* 255: 105–112



Year and episode number	Main character (Name)		Episode number	Recording location (City)	Release date (Year)	Episode length (min)
Season 1 (1965-1966)	John F. Lee	William Lee	1-13	London	1965	25
1965	1	100	101	100	101	1000
1965	2	100	102	100	102	1000
1965	3	100	103	100	103	1000
1965	4	100	104	100	104	1000
1965	5	100	105	100	105	1000
1965	6	100	106	100	106	1000
1965	7	100	107	100	107	1000
1965	8	100	108	100	108	1000
1965	9	100	109	100	109	1000
1965	10	100	110	100	110	1000
1965	11	100	111	100	111	1000
1965	12	100	112	100	112	1000
1965	13	100	113	100	113	1000
1966	14	100	114	100	114	1000
1966	15	100	115	100	115	1000
1966	16	100	116	100	116	1000
1966	17	100	117	100	117	1000
1966	18	100	118	100	118	1000
1966	19	100	119	100	119	1000
1966	20	100	120	100	120	1000
1966	21	100	121	100	121	1000
1966	22	100	122	100	122	1000
1966	23	100	123	100	123	1000
1966	24	100	124	100	124	1000
1966	25	100	125	100	125	1000

© 2006 The Authors
Journal compilation © 2006 Blackwell Publishing Ltd



© 2004 Blackwell Publishing Ltd *Journal of Internal Medicine* 255: 105–112

100



Source: <http://www.fishbase.org>; <http://www.fishbase.org>; <http://www.fishbase.org>

© 2004 Blackwell Publishing Ltd, *Journal of Internal Medicine* 255: 105–112

Country	Percentage
Germany	~85%
France	~10%
UK	~5%

- | | |
|---|--------|
| 1. <i>Acetabularia</i> sp. "Acetabularia" | 200 µm |
| 2. <i>Volvox</i> sp. "Volvox" | 50 µm |
| 3. <i>Chlamydomonas</i> sp. "Chlamydomonas" | 10 µm |

Category	Item	Unit	Price	Quantity	Total	Tax	Net Total
Groceries	Apples	kg	1.20	5	6.00	0.60	5.40
	Bananas	kg	0.80	10	8.00	0.40	7.60
	Carrots	kg	1.50	3	4.50	0.23	4.27
	Onions	kg	0.90	8	7.20	0.36	6.84
	Potatoes	kg	1.10	12	13.20	0.66	12.54
	Tomatoes	kg	1.30	6	7.80	0.39	7.41
	Cucumbers	kg	1.00	4	4.00	0.20	3.80
	Broccoli	kg	1.80	2	3.60	0.18	3.42
	Spinach	kg	2.00	1	2.00	0.10	1.90
	Garlic	kg	1.60	2	3.20	0.16	3.04
Beverages	Coffee	kg	10.00	1	10.00	0.50	9.50
	Tea	kg	5.00	2	10.00	0.50	9.50
	Soda	kg	3.00	3	9.00	0.45	8.55
	Juice	kg	4.00	2	8.00	0.40	7.60
	Milk	kg	2.50	4	10.00	0.50	9.50
Household	Soap	kg	1.00	3	3.00	0.15	2.85
	Shampoo	kg	1.50	2	3.00	0.15	2.85
	Conditioner	kg	1.50	2	3.00	0.15	2.85
Personal Care	Deodorant	kg	2.00	1	2.00	0.10	1.90
	Body Lotion	kg	3.00	1	3.00	0.15	2.85
Pet Supplies	Pet Food	kg	5.00	2	10.00	0.50	9.50
	Leash	kg	1.00	1	1.00	0.05	0.95
Miscellaneous	Stationery	kg	0.50	4	2.00	0.10	1.90
	Tools	kg	1.00	2	2.00	0.10	1.90
Total							

1. The first row of the matrix is the vector $\mathbf{1}$ (all ones).
 2. The second row of the matrix is the vector $\mathbf{2}$ (all twos).
 3. The third row of the matrix is the vector $\mathbf{3}$ (all threes).
 4. The fourth row of the matrix is the vector $\mathbf{4}$ (all fours).
 5. The fifth row of the matrix is the vector $\mathbf{5}$ (all fives).
 6. The sixth row of the matrix is the vector $\mathbf{6}$ (all sixes).
 7. The seventh row of the matrix is the vector $\mathbf{7}$ (all sevens).
 8. The eighth row of the matrix is the vector $\mathbf{8}$ (all eights).
 9. The ninth row of the matrix is the vector $\mathbf{9}$ (all nines).
 10. The tenth row of the matrix is the vector $\mathbf{10}$ (all tens).
 11. The eleventh row of the matrix is the vector $\mathbf{11}$ (all elevens).
 12. The twelfth row of the matrix is the vector $\mathbf{12}$ (all twelves).
 13. The thirteenth row of the matrix is the vector $\mathbf{13}$ (all thirteens).
 14. The fourteenth row of the matrix is the vector $\mathbf{14}$ (all fourteens).
 15. The fifteenth row of the matrix is the vector $\mathbf{15}$ (all fifteens).
 16. The sixteenth row of the matrix is the vector $\mathbf{16}$ (all sixteens).
 17. The seventeenth row of the matrix is the vector $\mathbf{17}$ (all seventeens).
 18. The eighteenth row of the matrix is the vector $\mathbf{18}$ (all eighTEENS).
 19. The nineteenth row of the matrix is the vector $\mathbf{19}$ (all nineteENS).
 20. The twentieth row of the matrix is the vector $\mathbf{20}$ (all twENTYs).
 21. The twenty-first row of the matrix is the vector $\mathbf{21}$ (all twENTY-ONES).
 22. The twenty-second row of the matrix is the vector $\mathbf{22}$ (all twENTY-TWOs).
 23. The twenty-third row of the matrix is the vector $\mathbf{23}$ (all twENTY-THREEs).
 24. The twenty-fourth row of the matrix is the vector $\mathbf{24}$ (all twENTY-FOURs).
 25. The twenty-fifth row of the matrix is the vector $\mathbf{25}$ (all twENTY-FIVEs).
 26. The twenty-sixth row of the matrix is the vector $\mathbf{26}$ (all twENTY-SIXs).
 27. The twenty-seventh row of the matrix is the vector $\mathbf{27}$ (all twENTY-SEVENs).
 28. The twenty-eighth row of the matrix is the vector $\mathbf{28}$ (all twENTY-EIGHTs).
 29. The twenty-ninth row of the matrix is the vector $\mathbf{29}$ (all twENTY-NINEs).
 30. The thirtieth row of the matrix is the vector $\mathbf{30}$ (all thIRTYs).
 31. The thirty-first row of the matrix is the vector $\mathbf{31}$ (all thIRTY-ONES).
 32. The thirty-second row of the matrix is the vector $\mathbf{32}$ (all thIRTY-TWOs).
 33. The thirty-third row of the matrix is the vector $\mathbf{33}$ (all thIRTY-THREEs).
 34. The thirty-fourth row of the matrix is the vector $\mathbf{34}$ (all thIRTY-FOURs).
 35. The thirty-fifth row of the matrix is the vector $\mathbf{35}$ (all thIRTY-FIVEs).
 36. The thirty-sixth row of the matrix is the vector $\mathbf{36}$ (all thIRTY-SIXs).
 37. The thirty-seventh row of the matrix is the vector $\mathbf{37}$ (all thIRTY-SEVENs).
 38. The thirty-eighth row of the matrix is the vector $\mathbf{38}$ (all thIRTY-EIGHTs).
 39. The thirty-ninth row of the matrix is the vector $\mathbf{39}$ (all thIRTY-NINEs).
 40. The fortieth row of the matrix is the vector $\mathbf{40}$ (all foURTYs).
 41. The forty-first row of the matrix is the vector $\mathbf{41}$ (all foURTY-ONES).
 42. The forty-second row of the matrix is the vector $\mathbf{42}$ (all foURTY-TWOs).
 43. The forty-third row of the matrix is the vector $\mathbf{43}$ (all foURTY-THREEs).
 44. The forty-fourth row of the matrix is the vector $\mathbf{44}$ (all foURTY-FOURs).
 45. The forty-fifth row of the matrix is the vector $\mathbf{45}$ (all foURTY-FIVEs).
 46. The forty-sixth row of the matrix is the vector $\mathbf{46}$ (all foURTY-SIXs).
 47. The forty-seventh row of the matrix is the vector $\mathbf{47}$ (all foURTY-SEVENs).
 48. The forty-eighth row of the matrix is the vector $\mathbf{48}$ (all foURTY-EIGHTs).
 49. The forty-ninth row of the matrix is the vector $\mathbf{49}$ (all foURTY-NINEs).
 50. The fiftieth row of the matrix is the vector $\mathbf{50}$ (all fIFTYs).
 51. The fifty-first row of the matrix is the vector $\mathbf{51}$ (all fIFTY-ONES).
 52. The fifty-second row of the matrix is the vector $\mathbf{52}$ (all fIFTY-TWOs).
 53. The fifty-third row of the matrix is the vector $\mathbf{53}$ (all fIFTY-THREEs).
 54. The fifty-fourth row of the matrix is the vector $\mathbf{54}$ (all fIFTY-FOURs).
 55. The fifty-fifth row of the matrix is the vector $\mathbf{55}$ (all fIFTY-FIVEs).
 56. The fifty-sixth row of the matrix is the vector $\mathbf{56}$ (all fIFTY-SIXs).
 57. The fifty-seventh row of the matrix is the vector $\mathbf{57}$ (all fIFTY-SEVENs).
 58. The fifty-eighth row of the matrix is the vector $\mathbf{58}$ (all fIFTY-EIGHTs).
 59. The fifty-ninth row of the matrix is the vector $\mathbf{59}$ (all fIFTY-NINEs).
 60. The sixtieth row of the matrix is the vector $\mathbf{60}$ (all SIXTYs).
 61. The sixty-first row of the matrix is the vector $\mathbf{61}$ (all SIXTY-ONES).
 62. The sixty-second row of the matrix is the vector $\mathbf{62}$ (all SIXTY-TWOs).
 63. The sixty-third row of the matrix is the vector $\mathbf{63}$ (all SIXTY-THREEs).
 64. The sixty-fourth row of the matrix is the vector $\mathbf{64}$ (all SIXTY-FOURs).
 65. The sixty-fifth row of the matrix is the vector $\mathbf{65}$ (all SIXTY-FIVEs).
 66. The sixty-sixth row of the matrix is the vector $\mathbf{66}$ (all SIXTY-SIXs).
 67. The sixty-seventh row of the matrix is the vector $\mathbf{67}$ (all SIXTY-SEVENs).
 68. The sixty-eighth row of the matrix is the vector $\mathbf{68}$ (all SIXTY-EIGHTs).
 69. The sixty-ninth row of the matrix is the vector $\mathbf{69}$ (all SIXTY-NINEs).
 70. The seventieth row of the matrix is the vector $\mathbf{70}$ (all SEVENTYs).
 71. The seventy-first row of the matrix is the vector $\mathbf{71}$ (all SEVENTY-ONES).
 72. The seventy-second row of the matrix is the vector $\mathbf{72}$ (all SEVENTY-TWOs).
 73. The seventy-third row of the matrix is the vector $\mathbf{73}$ (all SEVENTY-THREEs).
 74. The seventy-fourth row of the matrix is the vector $\mathbf{74}$ (all SEVENTY-FOURs).
 75. The seventy-fifth row of the matrix is the vector $\mathbf{75}$ (all SEVENTY-FIVEs).
 76. The seventy-sixth row of the matrix is the vector $\mathbf{76}$ (all SEVENTY-SIXs).
 77. The seventy-seventh row of the matrix is the vector $\mathbf{77}$ (all SEVENTY-SEVENs).
 78. The seventy-eighth row of the matrix is the vector $\mathbf{78}$ (all SEVENTY-EIGHTs).
 79. The seventy-ninth row of the matrix is the vector $\mathbf{79}$ (all SEVENTY-NINEs).
 80. The eightieth row of the matrix is the vector $\mathbf{80}$ (all EIGHTYs).
 81. The eighty-first row of the matrix is the vector $\mathbf{81}$ (all EIGHTY-ONES).
 82. The eighty-second row of the matrix is the vector $\mathbf{82}$ (all EIGHTY-TWOs).
 83. The eighty-third row of the matrix is the vector $\mathbf{83}$ (all EIGHTY-THREEs).
 84. The eighty-fourth row of the matrix is the vector $\mathbf{84}$ (all EIGHTY-FOURs).
 85. The eighty-fifth row of the matrix is the vector $\mathbf{85}$ (all EIGHTY-FIVEs).
 86. The eighty-sixth row of the matrix is the vector $\mathbf{86}$ (all EIGHTY-SIXs).
 87. The eighty-seventh row of the matrix is the vector $\mathbf{87}$ (all EIGHTY-SEVENs).
 88. The eighty-eighth row of the matrix is the vector $\mathbf{88}$ (all EIGHTY-EIGHTs).
 89. The eighty-ninth row of the matrix is the vector $\mathbf{89}$ (all EIGHTY-NINEs).
 90. The ninetieth row of the matrix is the vector $\mathbf{90}$ (all NINETYs).
 91. The ninety-first row of the matrix is the vector $\mathbf{91}$ (all NINETY-ONES).
 92. The ninety-second row of the matrix is the vector $\mathbf{92}$ (all NINETY-TWOs).
 93. The ninety-third row of the matrix is the vector $\mathbf{93}$ (all NINETY-THREEs).
 94. The ninety-fourth row of the matrix is the vector $\mathbf{94}$ (all NINETY-FOURs).
 95. The ninety-fifth row of the matrix is the vector $\mathbf{95}$ (all NINETY-FIVEs).
 96. The ninety-sixth row of the matrix is the vector $\mathbf{96}$ (all NINETY-SIXs).
 97. The ninety-seventh row of the matrix is the vector $\mathbf{97}$ (all NINETY-SEVENs).
 98. The ninety-eighth row of the matrix is the vector $\mathbf{98}$ (all NINETY-EIGHTs).
 99. The ninety-ninth row of the matrix is the vector $\mathbf{99}$ (all NINETY-NINEs).
 100. The hundredth row of the matrix is the vector $\mathbf{100}$ (all HUNDREDs).

[illegible]



© 2000 Blackwell Science Ltd *Journal of Internal Medicine* 247: 399–406



Chỉ tiêu đánh giá các chỉ số chính	Năm đầu tiên (2020)		Năm thứ hai (2021)		Năm thứ ba (2022)		Trung bình tổng thể
Chỉ tiêu đánh giá các chỉ số chính	Chỉ số A (2020)	Chỉ số B (2020)	Chỉ số A (2021)	Chỉ số B (2021)	Chỉ số A (2022)	Chỉ số B (2022)	Chỉ số Tổng (2022)
Chỉ số A	85	75	80	70	82	72	80
Chỉ số B	70	65	68	60	70	62	68
Chỉ số C	90	80	85	75	88	78	85
Chỉ số D	75	68	72	65	74	67	72
Chỉ số E	88	78	83	73	86	76	83
Chỉ số F	72	63	69	60	71	61	69
Chỉ số G	80	70	75	65	78	68	75
Chỉ số H	78	68	73	63	76	66	73
Chỉ số I	82	72	77	67	80	70	77
Chỉ số J	76	66	71	61	74	64	71
Chỉ số K	84	74	79	69	82	72	79
Chỉ số L	73	63	68	58	71	61	68





Chào mừng các em đến với trường THPT Nguyễn Huệ, nơi các em sẽ được tiếp cận với môi trường học tập hiện đại và đầy thách thức. Chúng tôi tin rằng, với sự nỗ lực và cố gắng của các em, các em sẽ đạt được những thành công đáng tự hào.

On 10/11/2016, 11:05 AM, "Andrius" <andrius@sigasys.com> wrote:
On 10/11/2016, 11:05 AM, "Andrius" <andrius@sigasys.com> wrote:

© 2005 Blackwell Publishing Ltd, *Journal of Internal Medicine* 258: 105–112

100



1. **Introduction**
2. **Background**
3. **Methodology**
4. **Results**
5. **Conclusion**

Year	City and State	Population (Millions)			Population Density (per sq. mile)	Population Change (2000-2010)	Population Change (2010-2020)	Total Population Change (2000-2020)
		2000	2010	2020				
1	United States	280	300	320	35	20	20	40
2	California	35	37	39	150	2	2	4
3	Texas	25	27	29	120	2	2	4
4	Florida	18	20	22	180	2	2	4
5	New York	19	20	21	250	1	1	2
6	Illinois	12	13	14	200	1	1	2
7	Ohio	11	12	13	150	1	1	2
8	Pennsylvania	12	13	14	180	1	1	2
9	Georgia	10	11	12	140	1	1	2
10	Arizona	6	7	8	160	1	1	2
11	Nevada	3	3	3	200	0	0	0
12	Colorado	5	6	7	170	1	1	2
13	Utah	3	4	5	190	1	1	2
14	Idaho	1	2	3	210	1	1	2
15	Montana	1	1	1	220	0	0	0
16	Wyoming	0.6	0.6	0.6	230	0	0	0
17	Alaska	0.6	0.6	0.6	240	0	0	0
18	Hawaii	1.1	1.1	1.1	250	0	0	0
19	Alaska	0.6	0.6	0.6	240	0	0	0
20	Wyoming	0.6	0.6	0.6	230	0	0	0
21	Montana	1	1	1	220	0	0	0
22	Idaho	1	2	3	210	1	1	2
23	Utah	3	4	5	190	1	1	2
24	Colorado	5	6	7	170	1	1	2
25	Nevada	3	3	3	200	0	0	0

Copyright © 2006 by John Wiley & Sons, Inc.

For more information, contact the author at john@johnmccormack.com.

© 2004 Blackwell Publishing Ltd, *Journal of Internal Medicine* 255: 111–118



© 2000 by John Wiley & Sons, Inc. All rights reserved. Reproduction or translation of this work without the written permission of John Wiley & Sons, Inc. is prohibited.

1. **Topic:** *Introduction to the course*
2. **Topic:** *History of the course*
3. **Topic:** *Course objectives*
4. **Topic:** *Course structure*
5. **Topic:** *Course materials*
6. **Topic:** *Course evaluation*

ID	Vehicle make / Product name	All the vehicles consumed volume			Average consumption per vehicle [kg/100km]	Average consumption per ton [kg/ton]	Average consumption per km [kg/km]	Average consumption per ton-km [kg/ton-km]	Fuel saving potential per ton-km [kg/ton-km]	Total fuel consumption [kg]	Total CO ₂ [ton]
		2014 [kg/100km]	2015 [kg/100km]	2016 [kg/100km]							
1	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
2	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
3	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
4	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
5	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
6	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
7	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
8	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
9	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
10	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
11	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
12	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
13	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
14	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
15	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
16	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
17	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
18	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
19	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
20	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
21	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
22	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
23	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
24	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
25	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
26	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
27	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
28	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
29	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
30	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
31	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
32	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
33	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
34	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
35	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
36	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
37	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
38	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
39	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100
40	Volvo	0	100	100	100	100	100	100	0	100	100

[illegible]

J. Child Fam Stud (2016) 25:198–207
DOI 10.1007/s10826-015-0280-2

© 2000 by John Wiley & Sons, Inc. All rights reserved. This journal is registered at the Copyright Clearance Center, Inc., 222 Rosewood Drive, Danvers, MA 01923. Organizations in the U.S. who are also registered with the C.C.C. may therefore copy material (beyond the limits permitted by sections 107 and 108 of U.S. copyright law) subject to payment to C.C.C. of the per copy fee of \$05.00. This consent does not extend to multiple copying for promotional or commercial purposes. ISI Tear Sheet Service, 3501 Market Street, Philadelphia, PA 19104, USA, is authorized to supply single copies of separate articles for private use only. Organizations authorized by the Copyright Licensing Agency may also copy material subject to the usual conditions. For all other use, permission should be sought from John Wiley & Sons, Inc. or the appropriate copyright owner. This journal is also registered at the Copyright Clearance Center, Inc., 222 Rosewood Drive, Danvers, MA 01923. Organizations in the U.S. who are also registered with the C.C.C. may therefore copy material (beyond the limits permitted by sections 107 and 108 of U.S. copyright law) subject to payment to C.C.C. of the per copy fee of \$05.00. This consent does not extend to multiple copying for promotional or commercial purposes. ISI Tear Sheet Service, 3501 Market Street, Philadelphia, PA 19104, USA, is authorized to supply single copies of separate articles for private use only. Organizations authorized by the Copyright Licensing Agency may also copy material subject to the usual conditions. For all other use, permission should be sought from John Wiley & Sons, Inc. or the appropriate copyright owner.

© 2004 Blackwell Publishing Ltd, *Journal of Internal Medicine* 255: 103–110



1. The first step is to identify the problem or question that needs to be addressed. This involves understanding the context and the specific requirements of the task.

[illegible]

100

1000

Copyright © 2010 John Wiley & Sons, Ltd. *J. Forecast.* **30**, 1–16 (2011)
DOI: 10.1002/for

© 2006 Blackwell Publishing Ltd, *Journal of Internal Medicine* 260: 395–402

© 2006 The Authors
Journal compilation © 2006 Blackwell Publishing Ltd



CÁP ĐIỆN 3 LẪN, CỎ HOẶC NHỎNH CỎ TRÊN THẤM PVC, CÁP ĐIỆN PVC, VỎ NGUYÊN PVC - TÍNH TỪ 7 - 24/240/240V - 0,6/1KV

1 CÁP ĐIỆN 3 LẪN: 3x240/240/240mm² (3x) PVC NGUYÊN PVC
2x240/240 + 1x120/120mm² (2x) PVC NGUYÊN PVC

Tên chuẩn áp dụng: Application standard: IEC 60332 - 1/IEC 60332 - 1

Biểu đồ Combination



1. Bảng này được
chỉ định để
áp dụng cho
các loại cáp
3 lõi
có vỏ bọc
nguyên PVC
và PVC
không cháy

STT	Tên sản phẩm Product name	Kích thước dây cáp Cable dimension			Đường kính ngoài dây cáp Outer diameter of cable	Đường kính trong dây cáp Inner diameter of cable	Đường kính dây dẫn Conductor diameter	Đường kính dây dẫn Conductor diameter	Đường kính dây dẫn Conductor diameter	Đường kính dây dẫn Conductor diameter	Đường kính dây dẫn Conductor diameter	Đường kính dây dẫn Conductor diameter	Đường kính dây dẫn Conductor diameter
		mm	mm	mm									
1	3x240/240	3	240	240	30	28	28	28	28	28	28	28	28
2	3x185/185	3	185	185	25	23	23	23	23	23	23	23	23
3	3x150/150	3	150	150	22	20	20	20	20	20	20	20	20
4	3x120/120	3	120	120	19	17	17	17	17	17	17	17	17
5	3x95/95	3	95	95	16	14	14	14	14	14	14	14	14
6	3x70/70	3	70	70	13	11	11	11	11	11	11	11	11
7	3x50/50	3	50	50	11	9	9	9	9	9	9	9	9
8	3x35/35	3	35	35	9	7	7	7	7	7	7	7	7
9	3x25/25	3	25	25	7	5	5	5	5	5	5	5	5
10	3x16/16	3	16	16	5	3	3	3	3	3	3	3	3
11	3x10/10	3	10	10	4	2	2	2	2	2	2	2	2
12	3x6/6	3	6	6	3	1	1	1	1	1	1	1	1
13	3x4/4	3	4	4	2	1	1	1	1	1	1	1	1
14	3x2,5/2,5	3	2,5	2,5	1,5	0,8	0,8	0,8	0,8	0,8	0,8	0,8	0,8
15	3x1,5/1,5	3	1,5	1,5	1,2	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6
16	3x1/1	3	1	1	0,8	0,4	0,4	0,4	0,4	0,4	0,4	0,4	0,4
17	3x0,75/0,75	3	0,75	0,75	0,6	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3
18	3x0,5/0,5	3	0,5	0,5	0,4	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2
19	3x0,35/0,35	3	0,35	0,35	0,3	0,15	0,15	0,15	0,15	0,15	0,15	0,15	0,15
20	3x0,25/0,25	3	0,25	0,25	0,2	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1

1. Bảng này được chỉ định để áp dụng cho các loại cáp điện có vỏ bọc nguyên PVC.

2. Bảng này được chỉ định để áp dụng cho các loại cáp điện có vỏ bọc nguyên PVC.

3. Bảng này được chỉ định để áp dụng cho các loại cáp điện có vỏ bọc nguyên PVC.

4. Bảng này được chỉ định để áp dụng cho các loại cáp điện có vỏ bọc nguyên PVC.

5. Bảng này được chỉ định để áp dụng cho các loại cáp điện có vỏ bọc nguyên PVC.



Life story Comprehension



Group	Mean Score
Control (n=10)	10
Mild AD (n=10)	10
Moderate AD (n=10)	10

Legend: Control (n=10), Mild AD (n=10), Moderate AD (n=10)

Order ID	Product Name	Customer Information						Billing Details		Payment Method	Payment Status	Shipping Information		Inventory Status		Warehouse Location	Last Updated	Created At					
		Personal Details			Company Details			Address				Tracking ID	Estimated Delivery	In Stock	Low Stock								
		First Name	Last Name	Email	Company Name	Job Title	Phone	Street	City										State	Zip			
1001	Wireless Headphones	John	Doe	j.doe@example.com	ABC Corp	Software Engineer	+1 555 123 4567	123 Main St	New York	Credit Card	Paid	USPS 9500 1234	2023-10-25	Yes	No	Warehouse A	2023-10-24 10:30	2023-10-20 08:00					
1002	Smartwatch Series X	Jane	Smith	j.smith@example.com	XYZ Inc	Marketing Manager	+1 555 987 6543	456 Oak Ave	Los Angeles	Bank Transfer	Pending	FedEx 9876 5432	2023-10-26	No	Yes	Warehouse B	2023-10-24 11:15	2023-10-21 09:00					
1003	Bluetooth Speaker	Michael	Johnson	m.johnson@example.com	DEF Ltd	Product Designer	+1 555 234 5678	789 Pine St	Chicago	PayPal	Completed	UPS 1234 5678	2023-10-24	Yes	No	Warehouse A	2023-10-24 09:45	2023-10-19 07:30					
1004	Smart Home Hub	Sarah	Williams	s.williams@example.com	GHI Corp	Operations Manager	+1 555 345 6789	101 Elm St	San Francisco	Credit Card	Paid	DHL 5678 9012	2023-10-25	Yes	No	Warehouse C	2023-10-24 12:00	2023-10-20 10:00					
1005	Wireless Earbuds	David	Brown	d.brown@example.com	JKL Inc	Sales Representative	+1 555 456 7890	202 Maple St	Seattle	Bank Transfer	Pending	USPS 3456 7890	2023-10-26	No	Yes	Warehouse B	2023-10-24 13:30	2023-10-21 11:00					
1006	Smartwatch Series Y	Emily	Green	e.green@example.com	MNO Corp	HR Manager	+1 555 567 8901	303 Birch St	Portland	PayPal	Completed	FedEx 2345 6789	2023-10-24	Yes	No	Warehouse A	2023-10-24 14:00	2023-10-20 12:00					
1007	Bluetooth Speaker	Robert	Miller	r.miller@example.com	PQR Ltd	IT Support	+1 555 678 9012	404 Cedar St	Denver	Credit Card	Paid	UPS 4567 8901	2023-10-25	Yes	No	Warehouse C	2023-10-24 15:15	2023-10-21 13:00					
1008	Smart Home Hub	Lisa	Wilson	l.wilson@example.com	RST Inc	Finance Analyst	+1 555 789 0123	505 Spruce St	Phoenix	Bank Transfer	Pending	DHL 6789 0123	2023-10-26	No	Yes	Warehouse B	2023-10-24 16:45	2023-10-22 14:00					
1009	Wireless Earbuds	James	Moore	j.moore@example.com	UVW Corp	Operations Manager	+1 555 890 1234	606 Ash St	San Diego	PayPal	Completed	USPS 7890 1234	2023-10-24	Yes	No	Warehouse A	2023-10-24 17:30	2023-10-20 15:00					
1010	Smartwatch Series X	Amanda	Taylor	a.taylor@example.com	XYZ Inc	Marketing Manager	+1 555 901 2345	707 Hickory St	Los Angeles	Credit Card	Paid	FedEx 8901 2345	2023-10-25	No	Yes	Warehouse B	2023-10-24 18:00	2023-10-21 16:00					
1011	Bluetooth Speaker	Christopher	Anderson	c.anderson@example.com	DEF Ltd	Product Designer	+1 555 012 3456	808 Walnut St	Chicago	Bank Transfer	Pending	UPS 9012 3456	2023-10-26	No	Yes	Warehouse C	2023-10-24 19:15	2023-10-22 17:00					
1012	Smart Home Hub	Michelle	Clark	m.clark@example.com	GHI Corp	Operations Manager	+1 555 123 4567	909 Cherry St	San Francisco	PayPal	Completed	DHL 0123 4567	2023-10-24	Yes	No	Warehouse A	2023-10-24 20:00	2023-10-20 18:00					
1013	Wireless Earbuds	Daniel	Evans	d.evans@example.com	JKL Inc	Sales Representative	+1 555 234 5678	1010 Elm St	Seattle	Credit Card	Paid	USPS 1234 5678	2023-10-25	No	Yes	Warehouse B	2023-10-24 21:30	2023-10-21 19:00					
1014	Smartwatch Series Y	Olivia	Scott	o.scott@example.com	MNO Corp	HR Manager	+1 555 345 6789	1111 Birch St	Portland	Bank Transfer	Pending	FedEx 2345 6789	2023-10-26	No	Yes	Warehouse C	2023-10-24 22:45	2023-10-22 20:00					
1015	Bluetooth Speaker	Matthew	Walker	m.walker@example.com	PQR Ltd	IT Support	+1 555 456 7890	1212 Cedar St	Denver	PayPal	Completed	DHL 3456 7890	2023-10-24	Yes	No	Warehouse A	2023-10-24 23:00	2023-10-20 21:00					
1016	Smart Home Hub	Sophia	Young	s.young@example.com	RST Inc	Finance Analyst	+1 555 567 8901	1313 Spruce St	Phoenix	Credit Card	Paid	UPS 4567 8901	2023-10-25	No	Yes	Warehouse B	2023-10-24 23:45	2023-10-21 22:00					
1017	Wireless Earbuds	Benjamin	Allen	b.allen@example.com	UVW Corp	Operations Manager	+1 555 678 9012	1414 Ash St	San Diego	Bank Transfer	Pending	USPS 5678 9012	2023-10-26	No	Yes	Warehouse C	2023-10-25 00:15	2023-10-22 23:00					
1018	Smartwatch Series X	Isabella	King	i.king@example.com	XYZ Inc	Marketing Manager	+1 555 789 0123	1515 Hickory St	Los Angeles	PayPal	Completed	FedEx 6789 0123	2023-10-24	Yes	No	Warehouse A	2023-10-24 21:00	2023-10-20 22:00					
1019	Bluetooth Speaker	Ethan	Wright	e.wright@example.com	DEF Ltd	Product Designer	+1 555 890 1234	1616 Walnut St	Chicago	Bank Transfer	Pending	UPS 7890 1234	2023-10-25	No	Yes	Warehouse B	2023-10-24 22:15	2023-10-21 23:00					
1020	Smart Home Hub	Ava	Green	a.green@example.com	GHI Corp	Operations Manager	+1 555 901 2345	1717 Cherry St	San Francisco	PayPal	Completed	DHL 8901 2345	2023-10-26	No	Yes	Warehouse C	2023-10-24 23:30	2023-10-22 01:00					

© 2000 by the American Psychological Association or one of its allied publishers. This article is intended solely for the personal use of the individual user and is not to be disseminated broadly. This article is intended solely for the personal use of the individual user and is not to be disseminated broadly.



© 2001 John Wiley & Sons, Inc. All rights reserved. This article is a U.S. Government work and, as such, is in the public domain in the United States of America.

© 2000 by John Wiley & Sons, Inc. All rights reserved. ISBN 0-471-30630-1

100



1. **Identify the problem.**
 2. **Define the problem.**
 3. **Set the goals.**
 4. **Develop a plan.**
 5. **Implement the plan.**
 6. **Evaluate the results.**

ID	Name of the Production	Box Office Statistics (Domestic Market)			Gross Revenue (USD Millions)	Gross Profit (USD Millions)	Average Ticket Price (USD)	Number of Screens	Weeks in Release	Rotten Tomatoes Score (%)	Metacritic Score
		Week 1 Gross	Week 1 Per-Screen Average	Week 1 Total Screens							
		(USD)	(USD)	(Screens)	(USD)	(USD)	(USD)	(Screens)	(Weeks)		
01	Avatar	1	1,024	1,024	2,048	1,024	100	100	100	92	88
02	Avatar 2	2	1,024	1,024	2,048	1,024	100	100	100	92	88
03	Avatar 3	3	1,024	1,024	2,048	1,024	100	100	100	92	88
04	Avatar 4	4	1,024	1,024	2,048	1,024	100	100	100	92	88
05	Avatar 5	5	1,024	1,024	2,048	1,024	100	100	100	92	88
06	Avatar 6	6	1,024	1,024	2,048	1,024	100	100	100	92	88
07	Avatar 7	7	1,024	1,024	2,048	1,024	100	100	100	92	88
08	Avatar 8	8	1,024	1,024	2,048	1,024	100	100	100	92	88
09	Avatar 9	9	1,024	1,024	2,048	1,024	100	100	100	92	88
10	Avatar 10	10	1,024	1,024	2,048	1,024	100	100	100	92	88
11	Avatar 11	11	1,024	1,024	2,048	1,024	100	100	100	92	88
12	Avatar 12	12	1,024	1,024	2,048	1,024	100	100	100	92	88
13	Avatar 13	13	1,024	1,024	2,048	1,024	100	100	100	92	88
14	Avatar 14	14	1,024	1,024	2,048	1,024	100	100	100	92	88
15	Avatar 15	15	1,024	1,024	2,048	1,024	100	100	100	92	88
16	Avatar 16	16	1,024	1,024	2,048	1,024	100	100	100	92	88
17	Avatar 17	17	1,024	1,024	2,048	1,024	100	100	100	92	88
18	Avatar 18	18	1,024	1,024	2,048	1,024	100	100	100	92	88
19	Avatar 19	19	1,024	1,024	2,048	1,024	100	100	100	92	88
20	Avatar 20	20	1,024	1,024	2,048	1,024	100	100	100	92	88

Copyright © 2010 by John Wiley & Sons, Inc.

© 2004 Blackwell Publishing Ltd, *Journal of Internal Medicine* 255: 105–112

Source: *Journal of the American Statistical Association*, 1997, Vol. 92, No. 439, pp. 1092-1103. Copyright 1997 by the American Statistical Association.



銅絞線-2

BAKE COPPER CABLE-2

標準規格/規格/規格標準: GB/T 2954, GB/T 2954, GB/T 2954, GB/T 2954, GB/T 2954

銅絞線/銅絞線



銅絞線/銅絞線/銅絞線/銅絞線

規格	規格	規格標準			規格標準	規格標準	
		規格	規格	規格		規格	規格
1	1.0	1	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
2	1.0	2	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
3	1.0	3	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
4	1.0	4	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
5	1.0	5	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
6	1.0	6	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
7	1.0	7	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
8	1.0	8	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
9	1.0	9	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
10	1.0	10	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
11	1.0	11	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
12	1.0	12	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
13	1.0	13	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
14	1.0	14	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
15	1.0	15	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
16	1.0	16	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
17	1.0	17	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
18	1.0	18	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
19	1.0	19	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
20	1.0	20	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0

規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準

規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準

規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準

規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準

規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準

規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準

規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準

規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準/規格標準



**QUẪN CÁP ĐIỆN KIM LOẠI CHỈ DẪN THƯỜNG (RJ)
KIM LOẠI KHÔNG KIM LOẠI (CONDUCTOR RJ)
Tiêu chuẩn kỹ thuật: Applied standards: TCVN 6245: 2008**

Loại cáp: Conductor RJ



Loại dây cáp: Copper conductor cable, RJ type

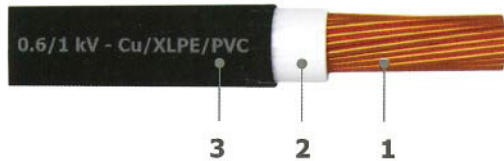
STT Mã	Tên cáp Cable type	Thông số kỹ thuật Technical data			Số liệu vật lý và cơ học (theo tiêu chuẩn) Physical and mechanical data (according to standards)	Khối lượng gồm dây cáp Cable weight	
		Loại bọc cách điện Insulation type	Loại cách điện Insulation type	Loại cách điện Insulation type		Loại bọc cách điện Insulation type	Loại cách điện Insulation type
	0,04		0,04	0,04	0,04	0,04	0,04
1	0,06	0	0,06	0,06	0,06	0,06	0,06
2	0,08	0	0,08	0,08	0,08	0,08	0,08
3	0,10	0	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10
4	0,12	0	0,12	0,12	0,12	0,12	0,12
5	0,14	0	0,14	0,14	0,14	0,14	0,14
6	0,16	0	0,16	0,16	0,16	0,16	0,16
7	0,18	0	0,18	0,18	0,18	0,18	0,18
8	0,20	0	0,20	0,20	0,20	0,20	0,20
9	0,22	0	0,22	0,22	0,22	0,22	0,22
10	0,24	0	0,24	0,24	0,24	0,24	0,24
11	0,26	0	0,26	0,26	0,26	0,26	0,26
12	0,28	0	0,28	0,28	0,28	0,28	0,28
13	0,30	0	0,30	0,30	0,30	0,30	0,30
14	0,32	0	0,32	0,32	0,32	0,32	0,32
15	0,34	0	0,34	0,34	0,34	0,34	0,34
16	0,36	0	0,36	0,36	0,36	0,36	0,36
17	0,38	0	0,38	0,38	0,38	0,38	0,38
18	0,40	0	0,40	0,40	0,40	0,40	0,40
19	0,42	0	0,42	0,42	0,42	0,42	0,42
20	0,44	0	0,44	0,44	0,44	0,44	0,44
21	0,46	0	0,46	0,46	0,46	0,46	0,46
22	0,48	0	0,48	0,48	0,48	0,48	0,48
23	0,50	0	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50
24	0,52	0	0,52	0,52	0,52	0,52	0,52
25	0,54	0	0,54	0,54	0,54	0,54	0,54
26	0,56	0	0,56	0,56	0,56	0,56	0,56
27	0,58	0	0,58	0,58	0,58	0,58	0,58
28	0,60	0	0,60	0,60	0,60	0,60	0,60
29	0,62	0	0,62	0,62	0,62	0,62	0,62
30	0,64	0	0,64	0,64	0,64	0,64	0,64
31	0,66	0	0,66	0,66	0,66	0,66	0,66
32	0,68	0	0,68	0,68	0,68	0,68	0,68
33	0,70	0	0,70	0,70	0,70	0,70	0,70
34	0,72	0	0,72	0,72	0,72	0,72	0,72
35	0,74	0	0,74	0,74	0,74	0,74	0,74
36	0,76	0	0,76	0,76	0,76	0,76	0,76
37	0,78	0	0,78	0,78	0,78	0,78	0,78
38	0,80	0	0,80	0,80	0,80	0,80	0,80
39	0,82	0	0,82	0,82	0,82	0,82	0,82
40	0,84	0	0,84	0,84	0,84	0,84	0,84
41	0,86	0	0,86	0,86	0,86	0,86	0,86
42	0,88	0	0,88	0,88	0,88	0,88	0,88
43	0,90	0	0,90	0,90	0,90	0,90	0,90
44	0,92	0	0,92	0,92	0,92	0,92	0,92
45	0,94	0	0,94	0,94	0,94	0,94	0,94
46	0,96	0	0,96	0,96	0,96	0,96	0,96
47	0,98	0	0,98	0,98	0,98	0,98	0,98
48	1,00	0	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00
49	1,02	0	1,02	1,02	1,02	1,02	1,02
50	1,04	0	1,04	1,04	1,04	1,04	1,04
51	1,06	0	1,06	1,06	1,06	1,06	1,06
52	1,08	0	1,08	1,08	1,08	1,08	1,08
53	1,10	0	1,10	1,10	1,10	1,10	1,10
54	1,12	0	1,12	1,12	1,12	1,12	1,12
55	1,14	0	1,14	1,14	1,14	1,14	1,14
56	1,16	0	1,16	1,16	1,16	1,16	1,16
57	1,18	0	1,18	1,18	1,18	1,18	1,18
58	1,20	0	1,20	1,20	1,20	1,20	1,20
59	1,22	0	1,22	1,22	1,22	1,22	1,22
60	1,24	0	1,24	1,24	1,24	1,24	1,24
61	1,26	0	1,26	1,26	1,26	1,26	1,26
62	1,28	0	1,28	1,28	1,28	1,28	1,28
63	1,30	0	1,30	1,30	1,30	1,30	1,30
64	1,32	0	1,32	1,32	1,32	1,32	1,32
65	1,34	0	1,34	1,34	1,34	1,34	1,34
66	1,36	0	1,36	1,36	1,36	1,36	1,36
67	1,38	0	1,38	1,38	1,38	1,38	1,38
68	1,40	0	1,40	1,40	1,40	1,40	1,40
69	1,42	0	1,42	1,42	1,42	1,42	1,42
70	1,44	0	1,44	1,44	1,44	1,44	1,44
71	1,46	0	1,46	1,46	1,46	1,46	1,46
72	1,48	0	1,48	1,48	1,48	1,48	1,48
73	1,50	0	1,50	1,50	1,50	1,50	1,50
74	1,52	0	1,52	1,52	1,52	1,52	1,52
75	1,54	0	1,54	1,54	1,54	1,54	1,54
76	1,56	0	1,56	1,56	1,56	1,56	1,56
77	1,58	0	1,58	1,58	1,58	1,58	1,58
78	1,60	0	1,60	1,60	1,60	1,60	1,60
79	1,62	0	1,62	1,62	1,62	1,62	1,62
80	1,64	0	1,64	1,64	1,64	1,64	1,64
81	1,66	0	1,66	1,66	1,66	1,66	1,66
82	1,68	0	1,68	1,68	1,68	1,68	1,68
83	1,70	0	1,70	1,70	1,70	1,70	1,70
84	1,72	0	1,72	1,72	1,72	1,72	1,72
85	1,74	0	1,74	1,74	1,74	1,74	1,74
86	1,76	0	1,76	1,76	1,76	1,76	1,76
87	1,78	0	1,78	1,78	1,78	1,78	1,78
88	1,80	0	1,80	1,80	1,80	1,80	1,80
89	1,82	0	1,82	1,82	1,82	1,82	1,82
90	1,84	0	1,84	1,84	1,84	1,84	1,84
91	1,86	0	1,86	1,86	1,86	1,86	1,86
92	1,88	0	1,88	1,88	1,88	1,88	1,88
93	1,90	0	1,90	1,90	1,90	1,90	1,90
94	1,92	0	1,92	1,92	1,92	1,92	1,92
95	1,94	0	1,94	1,94	1,94	1,94	1,94
96	1,96	0	1,96	1,96	1,96	1,96	1,96
97	1,98	0	1,98	1,98	1,98	1,98	1,98
98	2,00	0	2,00	2,00	2,00	2,00	2,00
99	2,02	0	2,02	2,02	2,02	2,02	2,02
100	2,04	0	2,04	2,04	2,04	2,04	2,04
101	2,06	0	2,06	2,06	2,06	2,06	2,06
102	2,08	0	2,08	2,08	2,08	2,08	2,08
103	2,10	0	2,10	2,10	2,10	2,10	2,10
104	2,12	0	2,12	2,12	2,12	2,12	2,12
105	2,14	0	2,14	2,14	2,14	2,14	2,14
106	2,16	0	2,16	2,16	2,16	2,16	2,16
107	2,18	0	2,18	2,18	2,18	2,18	2,18
108	2,20	0	2,20	2,20	2,20	2,20	2,20
109	2,22	0	2,22	2,22	2,22	2,22	2,22
110	2,24	0	2,24	2,24	2,24	2,24	2,24
111	2,26	0	2,26	2,26	2,26	2,26	2,26
112	2,28	0	2,28	2,28	2,28	2,28	2,28
113	2,30	0	2,30	2,30	2,30	2,30	2,30
114	2,32	0	2,32	2,32	2,32	2,32	2,32
115	2,34	0	2,34	2,34	2,34	2,34	2,34
116	2,36	0	2,36	2,36	2,36	2,36	2,36
117	2,38	0	2,38	2,38	2,38	2,38	2,38
118	2,40	0	2,40	2,40	2,40	2,40	2,40
119	2,42	0	2,42	2,42	2,42	2,42	2,42
120	2,44	0	2,44	2,44	2,44	2,44	2,44
121	2,46	0	2,46	2,46	2,46	2,46	2,46
122	2,48	0	2,48	2,48	2,48	2,48	2,48
123	2,50	0	2,50	2,50	2,50	2,50	2,50
124	2,52	0	2,52	2,52	2,52	2,52	2,52
125	2,54	0	2,54	2,54	2,54	2,54	2,54
126	2,56	0	2,56	2,56	2,56	2,56	2,56
127	2,58	0	2,58	2,58	2,58	2,58	2,58
128	2,60	0	2,60	2,60	2,60	2,60	2,60
129	2,62	0	2,62	2,62	2,62	2,62	2,62
130	2,64	0	2,64	2,64	2,64	2,64	2,64
131	2,66	0	2,66	2,66	2,66	2,66	2,66
132	2,68	0	2,68	2,68	2,68	2,68	2,68
133	2,70	0	2,70	2,70	2,70	2,70	2,70
134	2,72	0	2,72	2,72	2,72	2,72	2,72
135	2,74	0	2,74	2,74	2,74	2,74	2,74
136	2,76	0	2,76	2,76	2,76	2,76	2,76
137	2,78	0	2,78	2,78	2,78	2,78	2,78
138	2,80	0	2,80	2,80	2,80	2,80	2,80
139	2,82	0	2,82	2,82	2,82	2,82	2,82
140	2,84	0	2,84	2,84	2,84	2,84	2,84
141	2,86	0	2,86	2,86	2,86	2,86	2,86
142	2,88	0	2,88	2,88	2,88	2,88	2,88
143	2,90	0	2,90	2,90	2,90	2,90	2,90
144	2,92	0	2,92	2,92	2,92	2,92	2,92
145	2,94	0	2,94	2,94	2,94	2,94	2,94
146	2,96	0	2,96	2,96	2,96	2,96	2,96
147	2,98	0	2,98	2,98	2,98	2,98	2,98
148	3,00	0	3,00	3,00	3,00	3,00	3,00
149	3,02	0	3,02	3,02	3,02	3,02	3,02
150	3,04	0	3,04	3,04	3,04	3,04	3,04
151	3,06	0	3,06	3,06	3,06	3,06	3,06
152	3,08	0	3,08	3,08	3,08	3,08	3,08
153	3,10	0	3,10	3,10	3,10	3,10	3,10
154	3,12	0	3,12	3,12	3,12	3,12	3,12
155	3,14	0	3,14	3,14	3,14	3,14	3,14
156	3,16	0	3,16	3,16	3,16	3,16	3,16
157	3,18	0	3,18	3,18	3,18	3,18	3,18
158	3,20	0	3,20	3,20	3,20	3,20	3,20
159	3,22	0	3,22	3,2			

CÁP ĐIỆN 1 LỖI KHÔNG CÓ GIÁP BẢO VỆ 0.6/1 KV - CU/XLPE/PVC

0.6/1 kV unarmoured single core cables - Cu/XLPE/PVC

Tiêu chuẩn áp dụng / Applied standards: TCVN 5935 (IEC 60502-1)

Kết cấu / Construction



- | | |
|---------------------------------|-----------------|
| 1. Lõi dẫn điện / Conductor | : Đồng / Copper |
| 2. Lớp cách điện / Insulation | : XLPE |
| 3. Lớp bọc ngoài / Outer sheath | : PVC |

Tiết diện mặt cắt danh định	Ruột dẫn điện Conductor		Chiều dày cách điện	Chiều dày danh định vỏ bọc	Đường kính tổng gần đúng	Điện trở ruột dẫn ở 20°C	Chiều dài đóng gói
Nominal cross section area	Số sợi No. of wires	Đường kính sợi Dia. of wires	Insulation thickness	Nominal sheath thickness	Approx, overall diameter	Conductor resistance at 20°C	Packing length
(mm ²)		(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(Ω/km)	(m)
1x1.5	1	0.53	0.7	1.4	6	12.1	200/C
1x2.5	7	0.67	0.7	1.4	6.5	7.41	200/C
1x3.5 (*)	7	0.80	0.7	1.4	7	5.20	200/C
1x4	7	0.85	0.7	1.4	7	4.61	200/C
1x5.5 (*)	7	1.00	0.7	1.4	7.5	3.33	200/C
1x6	7	1.04	0.7	1.4	7.5	3.08	200/C
1x8 (*)	7	1.20	0.7	1.4	8	2.31	2000
1x10	7	1.35	0.7	1.4	8.5	1.83	2000
1x14 (*)	7	1.60	0.7	1.4	9	1.30	2000
1x16	7	1.70	0.7	1.4	9.5	1.15	2000
1x22 (*)	7	2.00	0.9	1.4	11	0.832	2000
1x25	7	2.14	0.9	1.4	11	0.727	1000
1x35	7	2.52	0.9	1.4	12	0.524	1000
1x38 (*)	7	2.60	0.9	1.4	13	0.492	1000
1x50	19	1.78	1.0	1.4	14	0.387	1000
1x60 (*)	19	2.00	1.0	1.4	15	0.307	1000
1x70	19	2.14	1.1	1.4	16	0.268	1000
1x95	19	2.52	1.1	1.5	18	0.193	1000
1x100 (*)	19	2.60	1.1	1.5	19	0.182	1000
1x120	37	2.03	1.2	1.5	20	0.153	1000
1x125 (*)	37	2.07	1.2	1.5	20	0.147	1000
1x150	37	2.25	1.4	1.6	22	0.124	500
1x185	37	2.52	1.6	1.6	24	0.0991	500
1x240	61	2.25	1.7	1.7	28	0.0754	500
1x300	61	2.52	1.8	1.8	30	0.0601	500
1x400	61	2.85	2.0	1.9	34	0.0470	500
1x500	61	3.20	2.2	2.0	38	0.0366	500

(*) Sản phẩm áp dụng tiêu chuẩn cơ sở được xây dựng tham khảo theo các tiêu chuẩn IEC 60502-1, JIS C 3605:

The products are applied base standard which is built on reference to IEC 60502-1, JIS C 3605 std.

Ngoài các chủng loại sản phẩm trên, chúng tôi sẽ sản xuất các loại sản phẩm có qui cách theo yêu cầu của khách hàng.

In addition to the product categories above, we will produce all kinds of specifications products according to customer requirements

CÁP ĐIỆN 2 LỖI KHÔNG CÓ GIÁP BẢO VỆ 0.6/1 KV - CU/XLPE/PVC

0.6/1 kV unarmoured 2 cores cables - Cu/XLPE/PVC

Tiêu chuẩn áp dụng / Applied standards: TCVN 5935 (IEC 60502-1)

Kết cấu / Construction



- | | |
|---------------------------------|-----------------|
| 1. Lõi dẫn điện / Conductor | : Đồng / Copper |
| 2. Lớp cách điện / Insulation | : XLPE |
| 3. Lớp độn/ Filler | : PVC/PP |
| 4. Lớp bọc ngoài / Outer sheath | : PVC |

Số lõi x Tiết diện mặt cắt danh định	Ruột dẫn điện Conductor		Chiều dày cách điện	Chiều dày danh định vỏ bọc	Đường kính tổng gần đúng	Điện trở ruột dẫn ở 20°C	Chiều dài đóng gói
No. of core x Nominal cross section area	Số sợi No. of wires	Đường kính sợi Dia. of wires	Insulation thickness	Nominal sheath thickness	Approx, overall diameter	Conductor resistance at 20°C	Packing length
(mm ²)		(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(Ω/km)	(m)
2x1.5 (*)	1	1.38	0.7	1.8	10	12.1	200/C
2x1.5	7	0.53	0.7	1.8	10	12.1	200/C
2x2.5 (*)	1	1.78	0.7	1.8	11	7.41	200/C
2x2.5	7	0.67	0.7	1.8	11	7.41	200/C
2x4 (*)	1	2.25	0.7	1.8	11	4.61	200/C
2x4	7	0.85	0.7	1.8	12	4.61	200/C
2x6 (*)	1	2.75	0.7	1.8	12	3.08	200/C
2x6	7	1.04	0.7	1.8	13	3.08	200/C
2x8 (*)	7	1.20	0.7	1.8	14	2.31	2000
2x10	7	1.35	0.7	1.8	15	1.83	2000
2x14 (*)	7	1.60	0.7	1.8	16	1.30	2000
2x16	7	1.70	0.7	1.8	17	1.15	2000
2x25	7	2.14	0.9	1.8	20	0.727	1000
2x35	7	2.52	0.9	1.8	23	0.524	1000
2x50	19	1.78	1.0	1.8	26	0.387	1000
2x60 (*)	19	2.00	1.0	1.8	28	0.307	1000
2x70	19	2.14	1.1	1.8	30	0.268	1000
2x95	19	2.52	1.1	1.9	34	0.193	1000
2 x100 (*)	19	2.60	1.1	1.9	35	0.182	1000
2x120	37	2.03	1.2	2.0	37	0.153	500
2x125 (*)	37	2.07	1.2	2.1	38	0.147	500
2x150	37	2.25	1.4	2.2	42	0.124	500
2x185	37	2.52	1.6	2.3	47	0.0991	500
2x240	61	2.25	1.7	2.5	53	0.0754	500
2x300	61	2.52	1.8	2.6	58	0.0601	500
2x400	61	2.85	2.0	2.9	66	0.0470	500
2x500	61	3.20	2.2	3.1	73	0.0366	500

(*) Sản phẩm áp dụng tiêu chuẩn cơ sở được xây dựng tham khảo theo các tiêu chuẩn IEC 60502-1, JIS C 3605:

The products are applied base standard which is built on reference to IEC 60502-1, JIS C 3605 std.

Ngoài các chủng loại sản phẩm trên, chúng tôi sẽ sản xuất các loại sản phẩm có qui cách theo yêu cầu của khách hàng.

In addition to the product categories above, we will produce all kinds of specifications products according to customer requirements

CÁP ĐIỆN 3 LỖI KHÔNG CÓ GIÁP BẢO VỆ 0.6/1 KV - CU/XLPE/PVC

0.6/1 kV unarmoured 3 cores cables - Cu/XLPE/PVC

Tiêu chuẩn áp dụng / Applied standards: TCVN 5935 (IEC 60502-1)

Kết cấu / Construction



- | | |
|---------------------------------|-----------------|
| 1. Lõi dẫn điện / Conductor | : Đồng / Copper |
| 2. Lớp cách điện / Insulation | : XLPE |
| 3. Lớp độn / Filler | : PVC/PP |
| 4. Lớp bọc ngoài / Outer sheath | : PVC |

Số lõi x Tiết diện mặt cắt danh định	R ruột dẫn điện Conductor		Chiều dày cách điện	Chiều dày danh định vỏ bọc	Đường kính tổng gần đúng	Điện trở ruột dẫn ở 20°C	Chiều dài đóng gói
No. of core x Nominal cross section area	Số sợi No. of wires	Đường kính sợi Dia. of wires	Insulation thickness	Nominal sheath thickness	Approx. overall diameter	Conductor resistance at 20°C	Packing length
(mm ²)		(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(Ω/km)	(m)
3x1.5	7	0.53	0.7	1.8	10.5	12.1	200/C
3x2.5	7	0.67	0.7	1.8	11	7.41	200/C
3x3.5 (*)	7	0.80	0.7	1.8	12	5.20	200/C
3x4	7	0.85	0.7	1.8	12.5	4.61	200/C
3x5.5 (*)	7	1.00	0.7	1.8	13	3.33	200/C
3x6	7	1.04	0.7	1.8	13.5	3.08	200/C
3x8 (*)	7	1.20	0.7	1.8	15	2.31	2000
3x10	7	1.35	0.7	1.8	16	1.83	2000
3x14 (*)	7	1.60	0.7	1.8	17	1.30	2000
3x16	7	1.70	0.7	1.8	18	1.15	2000
3x22 (*)	7	2.00	0.9	1.8	21	0.832	2000
3x25	7	2.14	0.9	1.8	22	0.727	1000
3x30 (*)	7	2.30	0.9	1.8	23	0.629	1000
3x35	7	2.52	0.9	1.8	24	0.524	1000
3x38 (*)	7	2.60	0.9	1.8	25	0.492	1000
3x50	19	1.78	1.0	1.8	28	0.387	1000
3x60 (*)	19	2.00	1.0	1.8	30	0.307	1000
3x70	19	2.14	1.1	1.9	32	0.268	1000
3x95	19	2.52	1.1	2.0	36	0.193	500
3x100 (*)	19	2.60	1.1	2.0	37	0.182	500
3x120	37	2.03	1.2	2.1	41	0.153	500
3x150	37	2.25	1.4	2.3	45	0.124	500
3x185	37	2.52	1.6	2.4	50	0.0991	500
3x200 (*)	61	2.04	1.7	2.5	53	0.0918	500
3x240	61	2.25	1.7	2.6	57	0.0754	300
3x300	61	2.52	1.8	2.7	63	0.0601	300

(*) Sản phẩm áp dụng tiêu chuẩn cơ sở được xây dựng tham khảo theo các tiêu chuẩn IEC 60502-1, JIS C 3605.

The products are applied base standard which is built on reference to IEC 60502-1, JIS c 3605 std.

Ngoài các chủng loại sản phẩm trên, chúng tôi sẽ sản xuất các loại sản phẩm có qui cách theo yêu cầu của khách hàng.

In addition to the product categories above, we will produce all kinds of specifications products according to customer requirements

[illegible][illegible]



© 2006 The Authors
Journal compilation © 2006 Blackwell Publishing Ltd

- | | |
|---|------|
| 1. <i>Staphylococcus aureus</i> | 100% |
| 2. <i>Staphylococcus epidermidis</i> | 99% |
| 3. <i>Staphylococcus saprophyticus</i> | 98% |
| 4. <i>Staphylococcus carnosus</i> (Gram-negative) | 97% |

[illegible]

100



Copyright © 2004 John Wiley & Sons, Inc. All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording, or by any information storage and retrieval system, except as may be permitted in writing by John Wiley & Sons, Inc.

100



ID	Module/Version	Performance Metrics (Q1 2024)						Efficiency		Reliability		Scalability		Security		Compliance	Status	Last Update
		CPU Usage			Memory Usage			Avg. Time	Error Rate	Uptime %	Latency (ms)	Throughput (req/s)	Data Loss %	Vulnerability Score				
		Min	Max	Avg	Min	Max	Avg											
1	Module A v1.0	10	85	45	5	90	1.2	0.01	99.99	100	100	100	0.001	100	ISO 27001	Active	2024-01-15	
2	Module B v1.0	15	90	50	8	95	1.5	0.02	99.98	100	100	100	0.002	100	ISO 27001	Active	2024-01-16	
3	Module C v1.0	5	70	30	3	80	0.8	0.005	99.995	100	100	100	0.0005	100	ISO 27001	Active	2024-01-17	
4	Module D v1.0	20	95	60	10	100	2.0	0.03	99.97	100	100	100	0.003	100	ISO 27001	Active	2024-01-18	
5	Module E v1.0	8	75	35	4	85	0.9	0.008	99.992	100	100	100	0.0008	100	ISO 27001	Active	2024-01-19	
6	Module F v1.0	12	80	40	6	90	1.1	0.015	99.985	100	100	100	0.0015	100	ISO 27001	Active	2024-01-20	
7	Module G v1.0	3	60	20	2	70	0.5	0.002	99.998	100	100	100	0.0002	100	ISO 27001	Active	2024-01-21	
8	Module H v1.0	18	92	55	9	98	1.8	0.025	99.975	100	100	100	0.0025	100	ISO 27001	Active	2024-01-22	
9	Module I v1.0	7	78	38	5	88	0.95	0.009	99.993	100	100	100	0.0009	100	ISO 27001	Active	2024-01-23	
10	Module J v1.0	22	98	65	12	105	2.2	0.04	99.96	100	100	100	0.004	100	ISO 27001	Active	2024-01-24	
11	Module K v1.0	6	72	32	4	82	0.85	0.007	99.994	100	100	100	0.0007	100	ISO 27001	Active	2024-01-25	
12	Module L v1.0	14	88	48	7	94	1.4	0.018	99.988	100	100	100	0.0018	100	ISO 27001	Active	2024-01-26	
13	Module M v1.0	4	65	25	3	75	0.6	0.003	99.997	100	100	100	0.0003	100	ISO 27001	Active	2024-01-27	
14	Module N v1.0	16	90	58	8	96	1.6	0.022	99.978	100	100	100	0.0022	100	ISO 27001	Active	2024-01-28	
15	Module O v1.0	9	76	36	5.5	86	0.98	0.0085	99.9935	100	100	100	0.00085	100	ISO 27001	Active	2024-01-29	
16	Module P v1.0	21	96	62	11	102	2.1	0.038	99.965	100	100	100	0.0038	100	ISO 27001	Active	2024-01-30	
17	Module Q v1.0	5.5	71	31	3.5	81	0.82	0.0065	99.9965	100	100	100	0.00065	100	ISO 27001	Active	2024-01-31	
18	Module R v1.0	13	86	46	6.5	93	1.35	0.017	99.989	100	100	100	0.0017	100	ISO 27001	Active	2024-02-01	
19	Module S v1.0	3.5	62	22	2.5	72	0.55	0.0025	99.9975	100	100	100	0.00025	100	ISO 27001	Active	2024-02-02	
20	Module T v1.0	17	91	59	9.5	99	1.75	0.024	99.976	100	100	100	0.0024	100	ISO 27001	Active	2024-02-03	
21	Module U v1.0	7.5	79	39	5.8	89	0.99	0.0092	99.9938	100	100	100	0.00092	100	ISO 27001	Active	2024-02-04	
22	Module V v1.0	23	99	68	13	108	2.3	0.045	99.955	100	100	100	0.0045	100	ISO 27001	Active	2024-02-05	
23	Module W v1.0	6.2	73	33	4.2	83	0.88	0.0072	99.9958	100	100	100	0.00072	100	ISO 27001	Active	2024-02-06	
24	Module X v1.0	15.5	89	52	7.8	95.5	1.58	0.019	99.987	100	100	100	0.0019	100	ISO 27001	Active	2024-02-07	
25	Module Y v1.0	4.8	68	28	3.8	78	0.65	0.0035	99.9968	100	100	100	0.00035	100	ISO 27001	Active	2024-02-08	
26	Module Z v1.0	19	94	60	10.5	104	1.95	0.035	99.968	100	100	100	0.0035	100	ISO 27001	Active	2024-02-09	
27	Module AA v1.0	8.8	81	41	6.8	91	1.05	0.012	99.991	100	100	100	0.0012	100	ISO 27001	Active	2024-02-10	
28	Module AB v1.0	24	100	70	14	110	2.4	0.05	99.945	100	100	100	0.005	100	ISO 27001	Active	2024-02-11	
29	Module AC v1.0	5.8	74	34	4.5	84	0.92	0.008	99.994	100	100	100	0.0008	100	ISO 27001	Active	2024-02-12	
30	Module AD v1.0	16.5	93	57	8.8	98.5	1.65	0.021	99.979	100	100	100	0.0021	100	ISO 27001	Active	2024-02-13	

Figure 1. The effect of the concentration of the inhibitor on the rate of polymerization of the monomer.

Copyright © 2010 by John Wiley & Sons, Inc. All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording, scanning, or otherwise, without prior written permission from John Wiley & Sons, Inc. For more information, contact the Permissions Department, John Wiley & Sons, Inc., 111 River Street, Hoboken, NJ 07030, (201) 748-6000, or <http://www.wiley.com/go/permissions>.

© 2000 Blackwell Science Ltd, *Journal of Internal Medicine* 247: 101–108

Abstract



Life expectancy (years)	
1990	74.4
2000	75.4
2010	76.4
2020	77.4

ID	File Name	File Information						File Size		File Type	File Category	File Subcategory	File Content		File Status	File Date	File Time	File User							
		File Metadata						File Hash					File Data												
		File ID	File Name	File Size	File Type	File Category	File Subcategory	File Hash	File Data				File Data	File Data											
1	File 001	1000000000	File 001	1000000000	File 001	File 001	File 001	File 001	File 001	File 001	File 001	File 001	File 001	File 001	File 001	File 001	File 001	File 001							
2	File 002	2000000000	File 002	2000000000	File 002	File 002	File 002	File 002	File 002	File 002	File 002	File 002	File 002	File 002	File 002	File 002	File 002	File 002							
3	File 003	3000000000	File 003	3000000000	File 003	File 003	File 003	File 003	File 003	File 003	File 003	File 003	File 003	File 003	File 003	File 003	File 003	File 003							
4	File 004	4000000000	File 004	4000000000	File 004	File 004	File 004	File 004	File 004	File 004	File 004	File 004	File 004	File 004	File 004	File 004	File 004	File 004							
5	File 005	5000000000	File 005	5000000000	File 005	File 005	File 005	File 005	File 005	File 005	File 005	File 005	File 005	File 005	File 005	File 005	File 005	File 005							
6	File 006	6000000000	File 006	6000000000	File 006	File 006	File 006	File 006	File 006	File 006	File 006	File 006	File 006	File 006	File 006	File 006	File 006	File 006							
7	File 007	7000000000	File 007	7000000000	File 007	File 007	File 007	File 007	File 007	File 007	File 007	File 007	File 007	File 007	File 007	File 007	File 007	File 007							
8	File 008	8000000000	File 008	8000000000	File 008	File 008	File 008	File 008	File 008	File 008	File 008	File 008	File 008	File 008	File 008	File 008	File 008	File 008							
9	File 009	9000000000	File 009	9000000000	File 009	File 009	File 009	File 009	File 009	File 009	File 009	File 009	File 009	File 009	File 009	File 009	File 009	File 009							
10	File 010	10000000000	File 010	10000000000	File 010	File 010	File 010	File 010	File 010	File 010	File 010	File 010	File 010	File 010	File 010	File 010	File 010	File 010							
11	File 011	11000000000	File 011	11000000000	File 011	File 011	File 011	File 011	File 011	File 011	File 011	File 011	File 011	File 011	File 011	File 011	File 011	File 011							
12	File 012	12000000000	File 012	12000000000	File 012	File 012	File 012	File 012	File 012	File 012	File 012	File 012	File 012	File 012	File 012	File 012	File 012	File 012							
13	File 013	13000000000	File 013	13000000000	File 013	File 013	File 013	File 013	File 013	File 013	File 013	File 013	File 013	File 013	File 013	File 013	File 013	File 013							
14	File 014	14000000000	File 014	14000000000	File 014	File 014	File 014	File 014	File 014	File 014	File 014	File 014	File 014	File 014	File 014	File 014	File 014	File 014							
15	File 015	15000000000	File 015	15000000000	File 015	File 015	File 015	File 015	File 015	File 015	File 015	File 015	File 015	File 015	File 015	File 015	File 015	File 015							
16	File 016	16000000000	File 016	16000000000	File 016	File 016	File 016	File 016	File 016	File 016	File 016	File 016	File 016	File 016	File 016	File 016	File 016	File 016							
17	File 017	17000000000	File 017	17000000000	File 017	File 017	File 017	File 017	File 017	File 017	File 017	File 017	File 017	File 017	File 017	File 017	File 017	File 017							
18	File 018	18000000000	File 018	18000000000	File 018	File 018	File 018	File 018	File 018	File 018	File 018	File 018	File 018	File 018	File 018	File 018	File 018	File 018							
19	File 019	19000000000	File 019	19000000000	File 019	File 019	File 019	File 019	File 019	File 019	File 019	File 019	File 019	File 019	File 019	File 019	File 019	File 019							
20	File 020	20000000000	File 020	20000000000	File 020	File 020	File 020	File 020	File 020	File 020	File 020	File 020	File 020	File 020	File 020	File 020	File 020	File 020							
21	File 021	21000000000	File 021	21000000000	File 021	File 021	File 021	File 021	File 021	File 021	File 021	File 021	File 021	File 021	File 021	File 021	File 021	File 021							
22	File 022	22000000000	File 022	22000000000	File 022	File 022	File 022	File 022	File 022	File 022	File 022	File 022	File 022	File 022	File 022	File 022	File 022	File 022							
23	File 023	23000000000	File 023	23000000000	File 023	File 023	File 023	File 023	File 023	File 023	File 023	File 023	File 023	File 023	File 023	File 023	File 023	File 023							
24	File 024	24000000000	File 024	24000000000	File 024	File 024	File 024	File 024	File 024	File 024	File 024	File 024	File 024	File 024	File 024	File 024	File 024	File 024							
25	File 025	25000000000	File 025	25000000000	File 025	File 025	File 025	File 025	File 025	File 025	File 025	File 025	File 025	File 025	File 025	File 025	File 025	File 025							
26	File 026	26000000000	File 026	26000000000	File 026	File 026	File 026	File 026	File 026	File 026	File 026	File 026	File 026	File 026	File 026	File 026	File 026	File 026							
27	File 027	27000000000	File 027	27000000000	File 027	File 027	File 027	File 027	File 027	File 027	File 027	File 027	File 027	File 027	File 027	File 027	File 027	File 027							
28	File 028	28000000000	File 028	28000000000	File 028	File 028	File 028	File 028	File 028	File 028	File 028	File 028	File 028	File 028	File 028	File 028	File 028	File 028							
29	File 029	29000000000	File 029	29000000000	File 029	File 029	File 029	File 029	File 029	File 029	File 029	File 029	File 029	File 029	File 029	File 029	File 029	File 029							
30	File 030	30000000000	File 030	30000000000	File 030	File 030	File 030	File 030	File 030	File 030	File 030	File 030	File 030	File 030	File 030	File 030	File 030	File 030							

© 2000 by the American Psychological Association or one of its allied publishers. This article is intended solely for the personal use of the individual user and is not to be disseminated broadly. This article is intended solely for the personal use of the individual user and is not to be disseminated broadly.



CÁP ĐIỆN 3 VỎ, 35 HOẶC KHÔNG 35 (CHỖO THẮM) (KV), CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ PVC,
PVF - DÂY 5x7 - CÁP 10KV PVF - 8x12KV

1 CÁP 3 VỎ (CÁP 3 VỎ THƯỜNG) (CÁP 3 VỎ THƯỜNG) (KV), 8KV (CÁP 10KV, PVF)
CÁP 12KV - CÁP 12KV - CÁP 10KV (PVF) - 8x12KV

Tên chuẩn áp dụng: Application standard: IEC 60502 - 1 / IEC 60502 - 1

Biểu đồ Kết nối



1. Cáp 3 VỎ (CÁP 3 VỎ THƯỜNG) (CÁP 3 VỎ THƯỜNG) (KV), 8KV (CÁP 10KV, PVF)
CÁP 12KV - CÁP 12KV - CÁP 10KV (PVF) - 8x12KV

STT	Tên sản phẩm	Số lõi (Số lõi)			Kích thước dây cáp (mm)	Kích thước dây cáp (mm)	Kích thước dây cáp (mm)	Kích thước dây cáp (mm)	Kích thước dây cáp (mm)	Kích thước dây cáp (mm)	Kích thước dây cáp (mm)	Kích thước dây cáp (mm)	Kích thước dây cáp (mm)
		1 lõi	2 lõi	3 lõi									
1	10KV (KV)	1	2	3	10	10	10	10	10	10	10	10	10
2	10KV (KV)	1	2	3	10	10	10	10	10	10	10	10	10
3	10KV (KV)	1	2	3	10	10	10	10	10	10	10	10	10
4	10KV (KV)	1	2	3	10	10	10	10	10	10	10	10	10
5	10KV (KV)	1	2	3	10	10	10	10	10	10	10	10	10
6	10KV (KV)	1	2	3	10	10	10	10	10	10	10	10	10
7	10KV (KV)	1	2	3	10	10	10	10	10	10	10	10	10
8	10KV (KV)	1	2	3	10	10	10	10	10	10	10	10	10
9	10KV (KV)	1	2	3	10	10	10	10	10	10	10	10	10
10	10KV (KV)	1	2	3	10	10	10	10	10	10	10	10	10
11	10KV (KV)	1	2	3	10	10	10	10	10	10	10	10	10
12	10KV (KV)	1	2	3	10	10	10	10	10	10	10	10	10
13	10KV (KV)	1	2	3	10	10	10	10	10	10	10	10	10
14	10KV (KV)	1	2	3	10	10	10	10	10	10	10	10	10
15	10KV (KV)	1	2	3	10	10	10	10	10	10	10	10	10
16	10KV (KV)	1	2	3	10	10	10	10	10	10	10	10	10
17	10KV (KV)	1	2	3	10	10	10	10	10	10	10	10	10
18	10KV (KV)	1	2	3	10	10	10	10	10	10	10	10	10
19	10KV (KV)	1	2	3	10	10	10	10	10	10	10	10	10
20	10KV (KV)	1	2	3	10	10	10	10	10	10	10	10	10
21	10KV (KV)	1	2	3	10	10	10	10	10	10	10	10	10
22	10KV (KV)	1	2	3	10	10	10	10	10	10	10	10	10
23	10KV (KV)	1	2	3	10	10	10	10	10	10	10	10	10
24	10KV (KV)	1	2	3	10	10	10	10	10	10	10	10	10
25	10KV (KV)	1	2	3	10	10	10	10	10	10	10	10	10
26	10KV (KV)	1	2	3	10	10	10	10	10	10	10	10	10
27	10KV (KV)	1	2	3	10	10	10	10	10	10	10	10	10

Thông tin chi tiết về sản phẩm và dịch vụ của Công ty Dây và Cáp Điện Vạn Xuân, vui lòng liên hệ:

Địa chỉ: 10/10 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Điện thoại: 0903 123 456. Email: info@vdx.vn

Chúng tôi cam kết cung cấp sản phẩm chất lượng cao và dịch vụ khách hàng tận tâm. Mọi thắc mắc, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

Thông tin chi tiết về sản phẩm và dịch vụ của Công ty Dây và Cáp Điện Vạn Xuân, vui lòng liên hệ:



© 2004 Blackwell Publishing Ltd *Journal of Internal Medicine* 255: 105–112



1. The first step in the process is to identify the problem or issue that needs to be addressed. This involves gathering information and understanding the context of the problem.



Copyright © 2004 John Wiley & Sons, Inc. All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording, scanning, or otherwise, except as may be permitted in writing by John Wiley & Sons, Inc. This publication is intended to provide accurate and authoritative information in regard to the subject matter covered. It is sold with the understanding that the publisher is not engaged in rendering legal, accounting, or other professional service. If legal advice or other expert assistance is required, the services of a competent professional person should be sought.

© 2005 by The McGraw-Hill Companies, Inc. All rights reserved. Printed in the United States of America. This book is printed on acid-free paper.

100



ID	Name (EN)	EN (continued) Description (EN)			Date of last update	Date of next update	Category	Status	Priority	Owner	Contact
		Field 1	Field 2	Field 3							
1	Item 1	Value 1	Value 2	Value 3	2023-01-01	2023-02-01	Category A	Active	High	John Doe	john.doe@example.com
2	Item 2	Value 1	Value 2	Value 3	2023-01-02	2023-02-02	Category B	Active	Medium	Jane Smith	jane.smith@example.com
3	Item 3	Value 1	Value 2	Value 3	2023-01-03	2023-02-03	Category C	Active	Low	Bob Johnson	bob.johnson@example.com
4	Item 4	Value 1	Value 2	Value 3	2023-01-04	2023-02-04	Category D	Active	High	Alice Brown	alice.brown@example.com
5	Item 5	Value 1	Value 2	Value 3	2023-01-05	2023-02-05	Category E	Active	Medium	Charlie White	charlie.white@example.com
6	Item 6	Value 1	Value 2	Value 3	2023-01-06	2023-02-06	Category F	Active	Low	Diana Green	diana.green@example.com
7	Item 7	Value 1	Value 2	Value 3	2023-01-07	2023-02-07	Category G	Active	High	Frank Black	frank.black@example.com
8	Item 8	Value 1	Value 2	Value 3	2023-01-08	2023-02-08	Category H	Active	Medium	Grace Hall	grace.hall@example.com
9	Item 9	Value 1	Value 2	Value 3	2023-01-09	2023-02-09	Category I	Active	Low	Henry King	henry.king@example.com
10	Item 10	Value 1	Value 2	Value 3	2023-01-10	2023-02-10	Category J	Active	High	Ivy Lee	ivy.lee@example.com
11	Item 11	Value 1	Value 2	Value 3	2023-01-11	2023-02-11	Category K	Active	Medium	Jack Miller	jack.miller@example.com
12	Item 12	Value 1	Value 2	Value 3	2023-01-12	2023-02-12	Category L	Active	Low	Karen Wilson	karen.wilson@example.com
13	Item 13	Value 1	Value 2	Value 3	2023-01-13	2023-02-13	Category M	Active	High	Leo Taylor	leo.taylor@example.com
14	Item 14	Value 1	Value 2	Value 3	2023-01-14	2023-02-14	Category N	Active	Medium	Mia Adams	mia.adams@example.com
15	Item 15	Value 1	Value 2	Value 3	2023-01-15	2023-02-15	Category O	Active	Low	Noah Baker	noah.baker@example.com
16	Item 16	Value 1	Value 2	Value 3	2023-01-16	2023-02-16	Category P	Active	High	Olivia Clark	olivia.clark@example.com
17	Item 17	Value 1	Value 2	Value 3	2023-01-17	2023-02-17	Category Q	Active	Medium	Peter Evans	peter.evans@example.com
18	Item 18	Value 1	Value 2	Value 3	2023-01-18	2023-02-18	Category R	Active	Low	Quinn Foster	quinn.foster@example.com
19	Item 19	Value 1	Value 2	Value 3	2023-01-19	2023-02-19	Category S	Active	High	Rachel Gibson	rachel.gibson@example.com
20	Item 20	Value 1	Value 2	Value 3	2023-01-20	2023-02-20	Category T	Active	Medium	Samuel Hill	samuel.hill@example.com

© 2004 by The McGraw-Hill Companies, Inc. All rights reserved. Printed in the United States of America. This book is printed on acid-free paper.

© 2005 The Authors
Journal compilation © 2005 Blackwell Publishing Ltd



100%



For more information, visit www.pearsoncmg.com or call 1-800-818-7243.





Für den Druck des Buchs: Dr. phil. phil. habil. Dr. phil. phil. habil. Dr. phil. phil. habil.



THE JOURNAL OF THE AMERICAN MEDICAL ASSOCIATION
PUBLISHED WEEKLY
535 N. Dearborn Ave., Chicago, Ill. 60610
Subscription price: \$5.00 per year in advance.
Single copies: 15¢.
Second-class postage paid at Chicago, Ill.
Acceptance for mailing at special rate of postage provided for in Section 1103, Act of October 3, 1917, authorized on July 13, 1967.
Postmaster: Send address changes in U.S.A. to JOURNAL OF THE AMERICAN MEDICAL ASSOCIATION, 535 N. Dearborn Ave., Chicago, Ill. 60610.
Subscription price: \$10.00 per year in advance.
Single copies: 30¢.
Second-class postage paid at London, England.
Acceptance for mailing at special rate of postage provided for in Section 1103, Act of October 3, 1917, authorized on July 13, 1967.
Postmaster: Send address changes outside U.S.A. to JOURNAL OF THE AMERICAN MEDICAL ASSOCIATION, 535 N. Dearborn Ave., Chicago, Ill. 60610.

[illegible]



© 2006 The Authors
Journal compilation © 2006 Blackwell Publishing Ltd



1. **Introduction**
 2. **Background**
 3. **Methodology**
 4. **Results**
 5. **Conclusion**
 6. **References**

Metric / Value Description: Key Metric	Section A Data (Colspan 4)				Section B Data (Colspan 2)		Section C Data (Colspan 1)	Section D Data (Colspan 1)	Section E Data (Colspan 1)	Section F Data (Colspan 1)	Section G Data (Colspan 1)	Section H Data (Colspan 1)
	Sub-section A1 Data		Sub-section A2 Data		Sub-section B1 Data							
	Value 1	Value 2	Value 3	Value 4	Value 5	Value 6						
Item 1	1	2000	1	2000	2.5	2.5	100	100	50	100	100	1000
Item 2	2	2000	2	2000	3.0	3.0	100	100	50	100	100	1000
Item 3	3	1000	3	1000	3.5	3.5	100	100	50	100	100	1000
Item 4	4	1000	4	1000	4.0	4.0	100	100	50	100	100	1000
Item 5	5	1000	5	1000	4.5	4.5	100	100	50	100	100	1000
Item 6	6	1000	6	1000	5.0	5.0	100	100	50	100	100	1000
Item 7	7	1000	7	1000	5.5	5.5	100	100	50	100	100	1000
Item 8	8	1000	8	1000	6.0	6.0	100	100	50	100	100	1000
Item 9	9	1000	9	1000	6.5	6.5	100	100	50	100	100	1000
Item 10	10	1000	10	1000	7.0	7.0	100	100	50	100	100	1000
Item 11	11	1000	11	1000	7.5	7.5	100	100	50	100	100	1000
Item 12	12	1000	12	1000	8.0	8.0	100	100	50	100	100	1000
Item 13	13	1000	13	1000	8.5	8.5	100	100	50	100	100	1000
Item 14	14	1000	14	1000	9.0	9.0	100	100	50	100	100	1000
Item 15	15	1000	15	1000	9.5	9.5	100	100	50	100	100	1000
Item 16	16	1000	16	1000	10.0	10.0	100	100	50	100	100	1000
Item 17	17	1000	17	1000	10.5	10.5	100	100	50	100	100	1000
Item 18	18	1000	18	1000	11.0	11.0	100	100	50	100	100	1000
Item 19	19	1000	19	1000	11.5	11.5	100	100	50	100	100	1000
Item 20	20	1000	20	1000	12.0	12.0	100	100	50	100	100	1000
Item 21	21	1000	21	1000	12.5	12.5	100	100	50	100	100	1000
Item 22	22	1000	22	1000	13.0	13.0	100	100	50	100	100	1000
Item 23	23	1000	23	1000	13.5	13.5	100	100	50	100	100	1000
Item 24	24	1000	24	1000	14.0	14.0	100	100	50	100	100	1000
Item 25	25	1000	25	1000	14.5	14.5	100	100	50	100	100	1000
Item 26	26	1000	26	1000	15.0	15.0	100	100	50	100	100	1000
Item 27	27	1000	27	1000	15.5	15.5	100	100	50	100	100	1000
Item 28	28	1000	28	1000	16.0	16.0	100	100	50	100	100	1000
Item 29	29	1000	29	1000	16.5	16.5	100	100	50	100	100	1000
Item 30	30	1000	30	1000	17.0	17.0	100	100	50	100	100	1000
Item 31	31	1000	31	1000	17.5	17.5	100	100	50	100	100	1000
Item 32	32	1000	32	1000	18.0	18.0	100	100	50	100	100	1000
Item 33	33	1000	33	1000	18.5	18.5	100	100	50	100	100	1000
Item 34	34	1000	34	1000	19.0	19.0	100	100	50	100	100	1000
Item 35	35	1										

© 2006 The Authors
Journal compilation © 2006 Blackwell Publishing Ltd



2017-18 Budget Data Summary		
1. General Fund, Operating	100%	Operating Income
2. General Fund, Non-Operating	100%	Operating Income
3. General Fund, Capital	100%	Operating Income
4. General Fund, Debt Service	100%	Operating Income
5. General Fund, Reserve	100%	Operating Income
6. General Fund, Other	100%	Operating Income
7. General Fund, Total	100%	Operating Income

Year & Sex Age 15-19 1000000	Female Sex 1000000				Male Sex 1000000		Total Sex 1000000	Female Sex 1000000	Male Sex 1000000	Total Sex 1000000	Female Sex 1000000	Male Sex 1000000	Total Sex 1000000
Year & Sex Age 15-19 1000000	Females 1000000		Males 1000000		Total Sex 1000000								
	Age 15-19 1000000	Age 20-24 1000000	Age 25-29 1000000	Age 30-34 1000000	Age 35-39 1000000	Age 40-44 1000000							
Year	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
2000-2001	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2001-2002	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2002-2003	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2003-2004	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2004-2005	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2005-2006	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2006-2007	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2007-2008	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2008-2009	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2009-2010	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2010-2011	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2011-2012	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2012-2013	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2013-2014	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2014-2015	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2015-2016	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2016-2017	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2017-2018	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2018-2019	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2019-2020	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2020-2021	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2021-2022	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2022-2023	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2023-2024	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2024-2025	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2025-2026	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2026-2027	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2027-2028	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2028-2029	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000
2029-2030	1	1000	0	1000	100	100	100	100	10	10	1000	100	1000

Copyright © 2009 by The McGraw-Hill Companies, Inc. All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording, or by any information storage and retrieval system, without prior written permission from The McGraw-Hill Companies, Inc.



1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026, 2027, 2028, 2029, 2030, 2031, 2032, 2033, 2034, 2035, 2036, 2037, 2038, 2039, 2040, 2041, 2042, 2043, 2044, 2045, 2046, 2047, 2048, 2049, 2050, 2051, 2052, 2053, 2054, 2055, 2056, 2057, 2058, 2059, 2060, 2061, 2062, 2063, 2064, 2065, 2066, 2067, 2068, 2069, 2070, 2071, 2072, 2073, 2074, 2075, 2076, 2077, 2078, 2079, 2080, 2081, 2082, 2083, 2084, 2085, 2086, 2087, 2088, 2089, 2090, 2091, 2092, 2093, 2094, 2095, 2096, 2097, 2098, 2099, 2100, 2101, 2102, 2103, 2104, 2105, 2106, 2107, 2108, 2109, 2110, 2111, 2112, 2113, 2114, 2115, 2116, 2117, 2118, 2119, 2120, 2121, 2122, 2123, 2124, 2125, 2126, 2127, 2128, 2129, 2130, 2131, 2132, 2133, 2134, 2135, 2136, 2137, 2138, 2139, 2140, 2141, 2142, 2143, 2144, 2145, 2146, 2147, 2148, 2149, 2150, 2151, 2152, 2153, 2154, 2155, 2156, 2157, 2158, 2159, 2160, 2161, 2162, 2163, 2164, 2165, 2166, 2167, 2168, 2169, 2170, 2171, 2172, 2173, 2174, 2175, 2176, 2177, 2178, 2179, 2180, 2181, 2182, 2183, 2184, 2185, 2186, 2187, 2188, 2189, 2190, 2191, 2192, 2193, 2194, 2195, 2196, 2197, 2198, 2199, 2200, 2201, 2202, 2203, 2204, 2205, 2206, 2207, 2208, 2209, 2210, 2211, 2212, 2213, 2214, 2215, 2216, 2217, 2218, 2219, 2220, 2221, 2222, 2223, 2224, 2225, 2226, 2227, 2228, 2229, 2230, 2231, 2232, 2233, 2234, 2235, 2236, 2237, 2238, 2239, 2240, 2241, 2242, 2243, 2244, 2245, 2246, 2247, 2248, 2249, 2250, 2251, 2252, 2253, 2254, 2255, 2256, 2257, 2258, 2259, 2260, 2261, 2262, 2263, 2264, 2265, 2266, 2267, 2268, 2269, 2270, 2271, 2272, 2273, 2274, 2275, 2276, 2277, 2278, 2279, 2280, 2281, 2282, 2283, 2284, 2285, 2286, 2287, 2288, 2289, 2290, 2291, 2292, 2293, 2294, 2295, 2296, 2297, 2298, 2299, 2300, 2301, 2302, 2303, 2304, 2305, 2306, 2307, 2308, 2309, 2310, 2311, 2312, 2313, 2314, 2315, 2316, 2317, 2318, 2319, 2320, 2321, 2322, 2323, 2324, 2325, 2326, 2327, 2328, 2329, 2330, 2331, 2332, 2333, 2334, 2335, 2336, 2337, 2338, 2339, 2340, 2341, 2342, 2343, 2344, 2345, 2346, 2347, 2348, 2349, 2350, 2351, 2352, 2353, 2354, 2355, 2356, 2357, 2358, 2359, 2360, 2361, 2362, 2363, 2364, 2365, 2366, 2367, 2368, 2369, 2370, 2371, 2372, 2373, 2374, 2375, 2376, 2377, 2378, 2379, 2380, 2381, 2382, 2383, 2384, 2385, 2386, 2387, 2388, 2389, 2390, 2391, 2392, 2393, 2394, 2395, 2396, 2397, 2398, 2399, 2400, 2401, 2402, 2403, 2404, 2405, 2406, 2407, 2408, 2409, 2410, 2411, 2412, 2413, 2414, 2415, 2416, 2417, 2418, 2419, 2420, 2421, 2422, 2423, 2424, 2425, 2426, 2427, 2428, 2429, 2430, 2431, 2432, 2433, 2434, 2435, 2436, 2437, 2438, 2439, 2440, 2441, 2442, 2443, 2444, 2445, 2446, 2447, 2448, 2449, 2450, 2451, 2452, 2453, 2454, 2455, 2456, 2457, 2458, 2459, 2460, 2461, 2462, 2463, 2464, 2465, 2466, 2467, 2468, 2469, 2470, 2471, 2472, 2473, 2474, 2475, 2476, 2477, 2478, 2479, 2480, 2481, 2482, 2483, 2484, 2485, 2486, 2487, 2488, 2489, 2490, 2491, 2492, 2493, 2494, 2495, 2496, 2497, 2498, 2499, 2500, 2501, 2502, 2503, 2504, 2505, 2506, 2507, 2508, 2509, 2510, 2511, 2512, 2513, 2514, 2515, 2516, 2517, 2518, 2519, 2520, 2521, 2522, 2523, 2524, 2525, 2526, 2527, 2528, 2529, 2530, 2531, 2532, 2533, 2534, 2535, 2536, 2537, 2538, 2539, 2540, 2541, 2542, 2543, 2544, 2545, 2546, 2547, 2548, 2549, 2550, 2551, 2552, 2553, 2554, 2555, 2556, 2557, 2558, 2559, 2560, 2561, 2562, 2563, 2564, 2565, 2566, 2567, 2568, 2569, 2570, 2571, 2572, 2573, 2574, 2575, 2576, 2577, 2578, 2579, 2580, 2581, 2582, 2583, 2584, 2585, 2586, 2587, 2588, 2589, 2590, 2591, 2592, 2593, 2594, 2595, 2596, 2597, 2598, 2599, 2600, 2601, 2602, 2603, 2604, 2605, 2606, 2607, 2608, 2609, 2610, 2611, 2612, 2613, 2614, 2615, 2616, 2617, 2618, 2619, 2620, 2621, 2622, 2623, 2624, 2625, 2626, 2627, 2628, 2629, 2630, 2631, 2632, 2633, 2634, 2635, 2636, 2637, 2638, 2639, 2640, 2641, 2642, 2643, 2644, 2645, 2646, 2647, 2648, 2649, 2650, 2651, 2652, 2653, 2654, 2655, 2656, 2657, 2658, 2659, 2660, 2661, 2662, 2663, 2664, 2665, 2666, 2667, 2668, 2669, 2670, 2671, 2672, 2673, 2674, 2675, 2676, 2677, 2678, 2679, 2680, 26

[illegible][illegible]



CÁI VÀNH VÀ CÁP ĐIỆN VẠN

Aluminium conductors (AAC, AAAC)

Tên chuẩn và ký hiệu: Aligned standards: TCVN 6245:1996 và TCVN 6246:1996

Unit: mm, kN/mm²



Loại cáp tiêu chuẩn - Aluminun wire

Loại cáp tiêu chuẩn - Steel wire

Mã sản phẩm (Product code)	Kích thước (Size)		Mã sản phẩm (Product code)	Mã sản phẩm (Product code)	Trọng lượng ghi chú (Weight note)			Mã sản phẩm (Product code)	Mã sản phẩm (Product code)
	Loại cáp (Wire type)	Loại cáp (Wire type)			Loại cáp (Wire type)	Loại cáp (Wire type)	Loại cáp (Wire type)		
001	001	001	001	001	001	001	001	001	001
002	002	002	002	002	002	002	002	002	002
003	003	003	003	003	003	003	003	003	003
004	004	004	004	004	004	004	004	004	004
005	005	005	005	005	005	005	005	005	005
006	006	006	006	006	006	006	006	006	006
007	007	007	007	007	007	007	007	007	007
008	008	008	008	008	008	008	008	008	008
009	009	009	009	009	009	009	009	009	009
010	010	010	010	010	010	010	010	010	010
011	011	011	011	011	011	011	011	011	011
012	012	012	012	012	012	012	012	012	012
013	013	013	013	013	013	013	013	013	013
014	014	014	014	014	014	014	014	014	014
015	015	015	015	015	015	015	015	015	015
016	016	016	016	016	016	016	016	016	016
017	017	017	017	017	017	017	017	017	017
018	018	018	018	018	018	018	018	018	018
019	019	019	019	019	019	019	019	019	019
020	020	020	020	020	020	020	020	020	020
021	021	021	021	021	021	021	021	021	021
022	022	022	022	022	022	022	022	022	022
023	023	023	023	023	023	023	023	023	023
024	024	024	024	024	024	024	024	024	024
025	025	025	025	025	025	025	025	025	025
026	026	026	026	026	026	026	026	026	026
027	027	027	027	027	027	027	027	027	027
028	028	028	028	028	028	028	028	028	028
029	029	029	029	029	029	029	029	029	029
030	030	030	030	030	030	030	030	030	030
031	031	031	031	031	031	031	031	031	031
032	032	032	032	032	032	032	032	032	032
033	033	033	033	033	033	033	033	033	033
034	034	034	034	034	034	034	034	034	034
035	035	035	035	035	035	035	035	035	035
036	036	036	036	036	036	036	036	036	036
037	037	037	037	037	037	037	037	037	037
038	038	038	038	038	038	038	038	038	038
039	039	039	039	039	039	039	039	039	039
040	040	040	040	040	040	040	040	040	040
041	041	041	041	041	041	041	041	041	041
042	042	042	042	042	042	042	042	042	042
043	043	043	043	043	043	043	043	043	043
044	044	044	044	044	044	044	044	044	044
045	045	045	045	045	045	045	045	045	045
046	046	046	046	046	046	046	046	046	046
047	047	047	047	047	047	047	047	047	047
048	048	048	048	048	048	048	048	048	048
049	049	049	049	049	049	049	049	049	049
050	050	050	050	050	050	050	050	050	050
051	051	051	051	051	051	051	051	051	051
052	052	052	052	052	052	052	052	052	052
053	053	053	053	053	053	053	053	053	053
054	054	054	054	054	054	054	054	054	054
055	055	055	055	055	055	055	055	055	055
056	056	056	056	056	056	056	056	056	056
057	057	057	057	057	057	057	057	057	057
058	058	058	058	058	058	058	058	058	058
059	059	059	059	059	059	059	059	059	059
060	060	060	060	060	060	060	060	060	060



GIỚI THIỆU SẢN PHẨM CÁP ĐIỆN CÁP ĐIỆN - AL/PVC

AL/PVC, Insulation/PVC, Conductor Steel reinforced cable - AL/PVC

Thép được gia cố, /Applied conductors to: 1000V, 1000V, 1000V

Thông số kỹ thuật



1. Conductor (Conductor)
2. Insulation (Insulation)
3. Steel wire (Steel wire)

4. Steel wire (Steel wire)
5. Steel wire (Steel wire)

Series	Technical Data		Nominal Cable Size (mm²)	Nominal Cable Size (mm²)	Nominal Cable Size (mm²)	Nominal Cable Size (mm²)		Nominal Cable Size (mm²)
	1000V	1000V				1000V	1000V	
(mm²)	(mm²)	(mm²)	(mm²)	(mm²)	(mm²)	(mm²)	(mm²)	(mm²)
AL/PVC 1	1000	1000	10	10	10	1000	1000	1000
AL/PVC 2	1000	1000	10	10	10	1000	1000	1000
AL/PVC 3	1000	1000	10	10	10	1000	1000	1000
AL/PVC 4	1000	1000	10	10	10	1000	1000	1000
AL/PVC 5	1000	1000	10	10	10	1000	1000	1000
AL/PVC 6	1000	1000	10	10	10	1000	1000	1000
AL/PVC 7	1000	1000	10	10	10	1000	1000	1000
AL/PVC 8	1000	1000	10	10	10	1000	1000	1000
AL/PVC 9	1000	1000	10	10	10	1000	1000	1000
AL/PVC 10	1000	1000	10	10	10	1000	1000	1000
AL/PVC 11	1000	1000	10	10	10	1000	1000	1000
AL/PVC 12	1000	1000	10	10	10	1000	1000	1000
AL/PVC 13	1000	1000	10	10	10	1000	1000	1000
AL/PVC 14	1000	1000	10	10	10	1000	1000	1000
AL/PVC 15	1000	1000	10	10	10	1000	1000	1000
AL/PVC 16	1000	1000	10	10	10	1000	1000	1000
AL/PVC 17	1000	1000	10	10	10	1000	1000	1000
AL/PVC 18	1000	1000	10	10	10	1000	1000	1000
AL/PVC 19	1000	1000	10	10	10	1000	1000	1000
AL/PVC 20	1000	1000	10	10	10	1000	1000	1000

Notes: 1. The cable is made with steel wire and steel wire and steel wire and steel wire.

2. The cable is made with steel wire and steel wire and steel wire and steel wire.



© 2004 Blackwell Publishing Ltd, *Journal of Internal Medicine* 255: 103–110

[illegible]





© 2006 The Authors
Journal compilation © 2006 Blackwell Publishing Ltd

CHUYÊN LUYỆN ĐỀ THI ĐẠI HỌC KHÔNG KÌ THIỂM THỬ, CÁC ĐỀ THI ĐÁP ÁN - HƯỚNG DẪN
ĐÁP ÁN - ĐÁP THỬ ĐỀ THI ĐẠI HỌC - ĐÁP THỬ

© 2006 The Authors
Journal compilation © 2006 Blackwell Publishing Ltd

1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026, 2027, 2028, 2029, 2030, 2031, 2032, 2033, 2034, 2035, 2036, 2037, 2038, 2039, 2040, 2041, 2042, 2043, 2044, 2045, 2046, 2047, 2048, 2049, 2050, 2051, 2052, 2053, 2054, 2055, 2056, 2057, 2058, 2059, 2060, 2061, 2062, 2063, 2064, 2065, 2066, 2067, 2068, 2069, 2070, 2071, 2072, 2073, 2074, 2075, 2076, 2077, 2078, 2079, 2080, 2081, 2082, 2083, 2084, 2085, 2086, 2087, 2088, 2089, 2090, 2091, 2092, 2093, 2094, 2095, 2096, 2097, 2098, 2099, 2100, 2101, 2102, 2103, 2104, 2105, 2106, 2107, 2108, 2109, 2110, 2111, 2112, 2113, 2114, 2115, 2116, 2117, 2118, 2119, 2120, 2121, 2122, 2123, 2124, 2125, 2126, 2127, 2128, 2129, 2130, 2131, 2132, 2133, 2134, 2135, 2136, 2137, 2138, 2139, 2140, 2141, 2142, 2143, 2144, 2145, 2146, 2147, 2148, 2149, 2150, 2151, 2152, 2153, 2154, 2155, 2156, 2157, 2158, 2159, 2160, 2161, 2162, 2163, 2164, 2165, 2166, 2167, 2168, 2169, 2170, 2171, 2172, 2173, 2174, 2175, 2176, 2177, 2178, 2179, 2180, 2181, 2182, 2183, 2184, 2185, 2186, 2187, 2188, 2189, 2190, 2191, 2192, 2193, 2194, 2195, 2196, 2197, 2198, 2199, 2200, 2201, 2202, 2203, 2204, 2205, 2206, 2207, 2208, 2209, 2210, 2211, 2212, 2213, 2214, 2215, 2216, 2217, 2218, 2219, 2220, 2221, 2222, 2223, 2224, 2225, 2226, 2227, 2228, 2229, 2230, 2231, 2232, 2233, 2234, 2235, 2236, 2237, 2238, 2239, 2240, 2241, 2242, 2243, 2244, 2245, 2246, 2247, 2248, 2249, 2250, 2251, 2252, 2253, 2254, 2255, 2256, 2257, 2258, 2259, 2260, 2261, 2262, 2263, 2264, 2265, 2266, 2267, 2268, 2269, 2270, 2271, 2272, 2273, 2274, 2275, 2276, 2277, 2278, 2279, 2280, 2281, 2282, 2283, 2284, 2285, 2286, 2287, 2288, 2289, 2290, 2291, 2292, 2293, 2294, 2295, 2296, 2297, 2298, 2299, 2300, 2301, 2302, 2303, 2304, 2305, 2306, 2307, 2308, 2309, 2310, 2311, 2312, 2313, 2314, 2315, 2316, 2317, 2318, 2319, 2320, 2321, 2322, 2323, 2324, 2325, 2326, 2327, 2328, 2329, 2330, 2331, 2332, 2333, 2334, 2335, 2336, 2337, 2338, 2339, 2340, 2341, 2342, 2343, 2344, 2345, 2346, 2347, 2348, 2349, 2350, 2351, 2352, 2353, 2354, 2355, 2356, 2357, 2358, 2359, 2360, 2361, 2362, 2363, 2364, 2365, 2366, 2367, 2368, 2369, 2370, 2371, 2372, 2373, 2374, 2375, 2376, 2377, 2378, 2379, 2380, 2381, 2382, 2383, 2384, 2385, 2386, 2387, 2388, 2389, 2390, 2391, 2392, 2393, 2394, 2395, 2396, 2397, 2398, 2399, 2400, 2401, 2402, 2403, 2404, 2405, 2406, 2407, 2408, 2409, 2410, 2411, 2412, 2413, 2414, 2415, 2416, 2417, 2418, 2419, 2420, 2421, 2422, 2423, 2424, 2425, 2426, 2427, 2428, 2429, 2430, 2431, 2432, 2433, 2434, 2435, 2436, 2437, 2438, 2439, 2440, 2441, 2442, 2443, 2444, 2445, 2446, 2447, 2448, 2449, 2450, 2451, 2452, 2453, 2454, 2455, 2456, 2457, 2458, 2459, 2460, 2461, 2462, 2463, 2464, 2465, 2466, 2467, 2468, 2469, 2470, 2471, 2472, 2473, 2474, 2475, 2476, 2477, 2478, 2479, 2480, 2481, 2482, 2483, 2484, 2485, 2486, 2487, 2488, 2489, 2490, 2491, 2492, 2493, 2494, 2495, 2496, 2497, 2498, 2499, 2500, 2501, 2502, 2503, 2504, 2505, 2506, 2507, 2508, 2509, 2510, 2511, 2512, 2513, 2514, 2515, 2516, 2517, 2518, 2519, 2520, 2521, 2522, 2523, 2524, 2525, 2526, 2527, 2528, 2529, 2530, 2531, 2532, 2533, 2534, 2535, 2536, 2537, 2538, 2539, 2540, 2541, 2542, 2543, 2544, 2545, 2546, 2547, 2548, 2549, 2550, 2551, 2552, 2553, 2554, 2555, 2556, 2557, 2558, 2559, 2560, 2561, 2562, 2563, 2564, 2565, 2566, 2567, 2568, 2569, 2570, 2571, 2572, 2573, 2574, 2575, 2576, 2577, 2578, 2579, 2580, 2581, 2582, 2583, 2584, 2585, 2586, 2587, 2588, 2589, 2590, 2591, 2592, 2593, 2594, 2595, 2596, 2597, 2598, 2599, 2600, 2601, 2602, 2603, 2604, 2605, 2606, 2607, 2608, 2609, 2610, 2611, 2612, 2613, 2614, 2615, 2616, 2617, 2618, 2619, 2620, 2621, 2622, 2623, 2624, 2625, 2626, 2627, 2628, 2629, 2630, 2631, 2632, 2633, 2634, 2635, 2636, 2637, 2638, 2639, 2640, 2641, 2642, 2643, 2644, 2645, 2646, 2647, 2648, 2649, 2650, 2651, 2652, 2653, 2654, 2655, 2656, 2657, 2658, 2659, 2660, 2661, 2662, 2663, 2664, 2665, 2666, 2667, 2668, 2669, 2670, 2671, 2672, 2673, 2674, 2675, 2676, 2677, 2678, 2679, 26

100



1. **John McKinley**
 2. **William McKinley**
 3. **James McKinley**
 4. **John McKinley**
 5. **John McKinley**
 6. **John McKinley**
 7. **John McKinley**
 8. **John McKinley**
 9. **John McKinley**
 10. **John McKinley**
 11. **John McKinley**
 12. **John McKinley**
 13. **John McKinley**
 14. **John McKinley**
 15. **John McKinley**
 16. **John McKinley**
 17. **John McKinley**
 18. **John McKinley**
 19. **John McKinley**
 20. **John McKinley**
 21. **John McKinley**
 22. **John McKinley**
 23. **John McKinley**
 24. **John McKinley**
 25. **John McKinley**
 26. **John McKinley**
 27. **John McKinley**
 28. **John McKinley**
 29. **John McKinley**
 30. **John McKinley**
 31. **John McKinley**
 32. **John McKinley**
 33. **John McKinley**
 34. **John McKinley**
 35. **John McKinley**
 36. **John McKinley**
 37. **John McKinley**
 38. **John McKinley**
 39. **John McKinley**
 40. **John McKinley**
 41. **John McKinley**
 42. **John McKinley**
 43. **John McKinley**
 44. **John McKinley**
 45. **John McKinley**
 46. **John McKinley**
 47. **John McKinley**
 48. **John McKinley**
 49. **John McKinley**
 50. **John McKinley**
 51. **John McKinley**
 52. **John McKinley**
 53. **John McKinley**
 54. **John McKinley**
 55. **John McKinley**
 56. **John McKinley**
 57. **John McKinley**
 58. **John McKinley**
 59. **John McKinley**
 60. **John McKinley**
 61. **John McKinley**
 62. **John McKinley**
 63. **John McKinley**
 64. **John McKinley**
 65. **John McKinley**
 66. **John McKinley**
 67. **John McKinley**
 68. **John McKinley**
 69. **John McKinley**
 70. **John McKinley**
 71. **John McKinley**
 72. **John McKinley**
 73. **John McKinley**
 74. **John McKinley**
 75. **John McKinley**
 76. **John McKinley**
 77. **John McKinley**
 78. **John McKinley**
 79. **John McKinley**
 80. **John McKinley**
 81. **John McKinley**
 82. **John McKinley**
 83. **John McKinley**
 84. **John McKinley**
 85. **John McKinley**
 86. **John McKinley**
 87. **John McKinley**
 88. **John McKinley**
 89. **John McKinley**
 90. **John McKinley**
 91. **John McKinley**
 92. **John McKinley**
 93. **John McKinley**
 94. **John McKinley**
 95. **John McKinley**
 96. **John McKinley**
 97. **John McKinley**
 98. **John McKinley**
 99. **John McKinley**
 100. **John McKinley**

Sl. No.	Description of Product/Service	All the activities performed during the year			Amount of expenditure incurred during the year (in Lakhs)	Amount of income received during the year (in Lakhs)	Amount of profit/loss during the year (in Lakhs)	Amount of profit/loss after tax (in Lakhs)	Amount of profit/loss after tax and provision (in Lakhs)	Amount of profit/loss after tax and provision and dividend (in Lakhs)	Amount of profit/loss after tax and provision and dividend and interest (in Lakhs)
		Income	Expenditure	Profit/Loss							
1	Income from operations	100.0	80.0	20.0	100.0	80.0	20.0	10.0	10.0	10.0	10.0
2	Income from other sources	5.0	2.0	3.0	5.0	2.0	3.0	0.5	0.5	0.5	0.5
3	Income from government grants	10.0	5.0	5.0	10.0	5.0	5.0	1.0	1.0	1.0	1.0

Copyright © 2014 by John Wiley & Sons, Inc. All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording, scanning, or otherwise, except as may be permitted in writing by John Wiley & Sons, Inc. This publication is registered at the Copyright Clearance Center, Inc., 222 Rosewood Drive, Danvers, MA 01923. Organizations in the USA who are also registered with the Copyright Clearance Center may therefore copy material (beyond the limits permitted by sections 107 and 108 of US copyright law) subject to payment to CCC of the per copy fee of \$12.00. This consent does not extend to multiple copying for promotional or commercial purposes. ISI Tear Sheet Service, 3501 Market Street, Philadelphia, PA 19104, USA, is authorized to supply single copies of separate articles for private use only. Organizations authorized by the Copyright Licensing Agency may also copy material subject to the usual conditions. For all other use, permission should be sought from John Wiley & Sons, Inc. This publication is also registered at the Copyright Clearance Center, Inc., 222 Rosewood Drive, Danvers, MA 01923. Organizations in the USA who are also registered with the Copyright Clearance Center may therefore copy material (beyond the limits permitted by sections 107 and 108 of US copyright law) subject to payment to CCC of the per copy fee of \$12.00. This consent does not extend to multiple copying for promotional or commercial purposes. Copyright © 2014 by John Wiley & Sons, Inc. All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording, scanning, or otherwise, except as may be permitted in writing by John Wiley & Sons, Inc. This publication is registered at the Copyright Clearance Center, Inc., 222 Rosewood Drive, Danvers, MA 01923. Organizations in the USA who are also registered with the Copyright Clearance Center may therefore copy material (beyond the limits permitted by sections 107 and 108 of US copyright law) subject to payment to CCC of the per copy fee of \$12.00. This consent does not extend to multiple copying for promotional or commercial purposes. ISI Tear Sheet Service, 3501 Market Street, Philadelphia, PA 19104, USA, is authorized to supply single copies of separate articles for private use only. Organizations authorized by the Copyright Licensing Agency may also copy material subject to the usual conditions. For all other use, permission should be sought from John Wiley & Sons, Inc. This publication is also registered at the Copyright Clearance Center, Inc., 222 Rosewood Drive, Danvers, MA 01923. Organizations in the USA who are also registered with the Copyright Clearance Center may therefore copy material (beyond the limits permitted by sections 107 and 108 of US copyright law) subject to payment to CCC of the per copy fee of \$12.00. This consent does not extend to multiple copying for promotional or commercial purposes.

© 2004 Blackwell Publishing Ltd, *Journal of Internal Medicine* 255: 105–112



THE RESULTS TO DATE: I REPORTED ON MY FIRST YEAR OF RESEARCH IN 2007. I'VE BEEN

[illegible]

1. The first step in the process is to identify the problem or issue that needs to be addressed. This involves gathering information and understanding the context of the problem.



© 2006 The Authors
Journal compilation © 2006 Blackwell Publishing Ltd

© 2000 Blackwell Science Ltd, *Journal of Internal Medicine* 247: 361–367

[illegible]

© 2006 The Authors
Journal compilation © 2006 Blackwell Publishing Ltd



1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026, 2027, 2028, 2029, 2030, 2031, 2032, 2033, 2034, 2035, 2036, 2037, 2038, 2039, 2040, 2041, 2042, 2043, 2044, 2045, 2046, 2047, 2048, 2049, 2050, 2051, 2052, 2053, 2054, 2055, 2056, 2057, 2058, 2059, 2060, 2061, 2062, 2063, 2064, 2065, 2066, 2067, 2068, 2069, 2070, 2071, 2072, 2073, 2074, 2075, 2076, 2077, 2078, 2079, 2080, 2081, 2082, 2083, 2084, 2085, 2086, 2087, 2088, 2089, 2090, 2091, 2092, 2093, 2094, 2095, 2096, 2097, 2098, 2099, 2100, 2101, 2102, 2103, 2104, 2105, 2106, 2107, 2108, 2109, 2110, 2111, 2112, 2113, 2114, 2115, 2116, 2117, 2118, 2119, 2120, 2121, 2122, 2123, 2124, 2125, 2126, 2127, 2128, 2129, 2130, 2131, 2132, 2133, 2134, 2135, 2136, 2137, 2138, 2139, 2140, 2141, 2142, 2143, 2144, 2145, 2146, 2147, 2148, 2149, 2150, 2151, 2152, 2153, 2154, 2155, 2156, 2157, 2158, 2159, 2160, 2161, 2162, 2163, 2164, 2165, 2166, 2167, 2168, 2169, 2170, 2171, 2172, 2173, 2174, 2175, 2176, 2177, 2178, 2179, 2180, 2181, 2182, 2183, 2184, 2185, 2186, 2187, 2188, 2189, 2190, 2191, 2192, 2193, 2194, 2195, 2196, 2197, 2198, 2199, 2200, 2201, 2202, 2203, 2204, 2205, 2206, 2207, 2208, 2209, 2210, 2211, 2212, 2213, 2214, 2215, 2216, 2217, 2218, 2219, 2220, 2221, 2222, 2223, 2224, 2225, 2226, 2227, 2228, 2229, 2230, 2231, 2232, 2233, 2234, 2235, 2236, 2237, 2238, 2239, 2240, 2241, 2242, 2243, 2244, 2245, 2246, 2247, 2248, 2249, 2250, 2251, 2252, 2253, 2254, 2255, 2256, 2257, 2258, 2259, 2260, 2261, 2262, 2263, 2264, 2265, 2266, 2267, 2268, 2269, 2270, 2271, 2272, 2273, 2274, 2275, 2276, 2277, 2278, 2279, 2280, 2281, 2282, 2283, 2284, 2285, 2286, 2287, 2288, 2289, 2290, 2291, 2292, 2293, 2294, 2295, 2296, 2297, 2298, 2299, 2300, 2301, 2302, 2303, 2304, 2305, 2306, 2307, 2308, 2309, 2310, 2311, 2312, 2313, 2314, 2315, 2316, 2317, 2318, 2319, 2320, 2321, 2322, 2323, 2324, 2325, 2326, 2327, 2328, 2329, 2330, 2331, 2332, 2333, 2334, 2335, 2336, 2337, 2338, 2339, 2340, 2341, 2342, 2343, 2344, 2345, 2346, 2347, 2348, 2349, 2350, 2351, 2352, 2353, 2354, 2355, 2356, 2357, 2358, 2359, 2360, 2361, 2362, 2363, 2364, 2365, 2366, 2367, 2368, 2369, 2370, 2371, 2372, 2373, 2374, 2375, 2376, 2377, 2378, 2379, 2380, 2381, 2382, 2383, 2384, 2385, 2386, 2387, 2388, 2389, 2390, 2391, 2392, 2393, 2394, 2395, 2396, 2397, 2398, 2399, 2400, 2401, 2402, 2403, 2404, 2405, 2406, 2407, 2408, 2409, 2410, 2411, 2412, 2413, 2414, 2415, 2416, 2417, 2418, 2419, 2420, 2421, 2422, 2423, 2424, 2425, 2426, 2427, 2428, 2429, 2430, 2431, 2432, 2433, 2434, 2435, 2436, 2437, 2438, 2439, 2440, 2441, 2442, 2443, 2444, 2445, 2446, 2447, 2448, 2449, 2450, 2451, 2452, 2453, 2454, 2455, 2456, 2457, 2458, 2459, 2460, 2461, 2462, 2463, 2464, 2465, 2466, 2467, 2468, 2469, 2470, 2471, 2472, 2473, 2474, 2475, 2476, 2477, 2478, 2479, 2480, 2481, 2482, 2483, 2484, 2485, 2486, 2487, 2488, 2489, 2490, 2491, 2492, 2493, 2494, 2495, 2496, 2497, 2498, 2499, 2500, 2501, 2502, 2503, 2504, 2505, 2506, 2507, 2508, 2509, 2510, 2511, 2512, 2513, 2514, 2515, 2516, 2517, 2518, 2519, 2520, 2521, 2522, 2523, 2524, 2525, 2526, 2527, 2528, 2529, 2530, 2531, 2532, 2533, 2534, 2535, 2536, 2537, 2538, 2539, 2540, 2541, 2542, 2543, 2544, 2545, 2546, 2547, 2548, 2549, 2550, 2551, 2552, 2553, 2554, 2555, 2556, 2557, 2558, 2559, 2560, 2561, 2562, 2563, 2564, 2565, 2566, 2567, 2568, 2569, 2570, 2571, 2572, 2573, 2574, 2575, 2576, 2577, 2578, 2579, 2580, 2581, 2582, 2583, 2584, 2585, 2586, 2587, 2588, 2589, 2590, 2591, 2592, 2593, 2594, 2595, 2596, 2597, 2598, 2599, 2600, 2601, 2602, 2603, 2604, 2605, 2606, 2607, 2608, 2609, 2610, 2611, 2612, 2613, 2614, 2615, 2616, 2617, 2618, 2619, 2620, 2621, 2622, 2623, 2624, 2625, 2626, 2627, 2628, 2629, 2630, 2631, 2632, 2633, 2634, 2635, 2636, 2637, 2638, 2639, 2640, 2641, 2642, 2643, 2644, 2645, 2646, 2647, 2648, 2649, 2650, 2651, 2652, 2653, 2654, 2655, 2656, 2657, 2658, 2659, 2660, 2661, 2662, 2663, 2664, 2665, 2666, 2667, 2668, 2669, 2670, 2671, 2672, 2673, 2674, 2675, 2676, 2677, 2678, 2679, 2680, 26



[Download the report](#) | [Contact us](#) | [About us](#) | [Privacy policy](#)

100

[illegible]

(continued)



© 2004 Blackwell Publishing Ltd *Journal of Internal Medicine* 255: 105–112

1. **Introduction**
 2. **Background**
 3. **Methodology**
 4. **Results**
 5. **Conclusion**



© 2004 Blackwell Publishing Ltd, *Journal of Internal Medicine* 255: 103–110



© 2004 Blackwell Publishing Ltd, *Journal of Internal Medicine* 255: 101–108

- Address:** _____
Company Name: _____
City: _____
State: _____
Zip: _____

[illegible]





Chỗ nối cáp xoắn đôi - cáp xoắn đôi

WSP/WT Y cables twisted single core cables (twisting cable) - Cu/PVC

Đặc tính kỹ thuật: Approximate data: BC-BC-PH-V-0004

Đặc tính kỹ thuật



Thước kẻ của Cable
và dây cáp của bạn

Đặc tính kỹ thuật

Loại	Thước kẻ của Cable (mm)	Thước kẻ của Cable (mm)		Thước kẻ của Cable (mm)	Thước kẻ của Cable (mm)	Thước kẻ của Cable (mm)	Thước kẻ của Cable (mm)
Loại	Thước kẻ của Cable (mm)	Thước kẻ của Cable (mm)	Thước kẻ của Cable (mm)	Thước kẻ của Cable (mm)	Thước kẻ của Cable (mm)	Thước kẻ của Cable (mm)	Thước kẻ của Cable (mm)
Loại	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)
WSP/WT	10	10	10	10	10	10	10
WT	10	10	10	10	10	10	10
WSP/WT	15	15	15	15	15	15	15
WT	15	15	15	15	15	15	15
WSP/WT	20	20	20	20	20	20	20
WT	20	20	20	20	20	20	20
WSP/WT	25	25	25	25	25	25	25
WT	25	25	25	25	25	25	25
WSP/WT	30	30	30	30	30	30	30
WT	30	30	30	30	30	30	30
WSP/WT	35	35	35	35	35	35	35
WT	35	35	35	35	35	35	35
WSP/WT	40	40	40	40	40	40	40
WT	40	40	40	40	40	40	40

Chỗ nối cáp đôi xoắn đôi - cáp đôi xoắn đôi

WSP/WT Y cables twisted twisted cables (twisting cable) - Cu/PVC

Đặc tính kỹ thuật: Approximate data: BC-BC-PH-V-0004

Loại	Thước kẻ của Cable (mm)	Thước kẻ của Cable (mm)		Thước kẻ của Cable (mm)	Thước kẻ của Cable (mm)	Thước kẻ của Cable (mm)	Thước kẻ của Cable (mm)
Loại	Thước kẻ của Cable (mm)	Thước kẻ của Cable (mm)	Thước kẻ của Cable (mm)	Thước kẻ của Cable (mm)	Thước kẻ của Cable (mm)	Thước kẻ của Cable (mm)	Thước kẻ của Cable (mm)
Loại	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)
WSP/WT	10	10	10	10	10	10	10
WT	10	10	10	10	10	10	10
WSP/WT	15	15	15	15	15	15	15
WT	15	15	15	15	15	15	15
WSP/WT	20	20	20	20	20	20	20
WT	20	20	20	20	20	20	20
WSP/WT	25	25	25	25	25	25	25
WT	25	25	25	25	25	25	25

Đặc tính kỹ thuật: Approximate data: BC-BC-PH-V-0004

Đặc tính kỹ thuật: Approximate data: BC-BC-PH-V-0004

Đặc tính kỹ thuật: Approximate data: BC-BC-PH-V-0004

Đặc tính kỹ thuật: Approximate data: BC-BC-PH-V-0004



© 2007 Blackwell Publishing Ltd *Journal of Internal Medicine* 261: 103–110

1. **Abstract**
 2. **Introduction**
 3. **Methods**
 4. **Results**
 5. **Discussion**
 6. **Conclusion**
 7. **References**





Bảng 3 - Đồng nghiệp mua một căn hộ nhà ở xã hội chung cư, chung cư - căn hộ
Table 3 - Đồng nghiệp mua một căn hộ nhà ở xã hội chung cư, chung cư - căn hộ

Ngày 01 tháng 01 năm 2017	Giá trị quyền lợi nhà ở xã hội					Giá trị trong 05 năm		
	Giá trị quyền lợi nhà ở xã hội			Giá trị quyền lợi nhà ở xã hội		Giá trị trong 05 năm		
	01/01/2017	01/01/2018	01/01/2019	01/01/2020	01/01/2021	01/01/2022	01/01/2023	01/01/2024
01	1	1	1	1	1	1	1	1
02	1	1	1	1	1	1	1	1
03	1	1	1	1	1	1	1	1
04	1	1	1	1	1	1	1	1
05	1	1	1	1	1	1	1	1
06	101	101	101	101	101	101	101	101
07	101	101	101	101	101	101	101	101
08	101	101	101	101	101	101	101	101
09	101	101	101	101	101	101	101	101
10	101	101	101	101	101	101	101	101
11	101	101	101	101	101	101	101	101
12	101	101	101	101	101	101	101	101
13	101	101	101	101	101	101	101	101
14	101	101	101	101	101	101	101	101
15	101	101	101	101	101	101	101	101
16	101	101	101	101	101	101	101	101
17	101	101	101	101	101	101	101	101
18	101	101	101	101	101	101	101	101
19	101	101	101	101	101	101	101	101
20	101	101	101	101	101	101	101	101
21	101	101	101	101	101	101	101	101
22	101	101	101	101	101	101	101	101
23	101	101	101	101	101	101	101	101
24	101	101	101	101	101	101	101	101
25	101	101	101	101	101	101	101	101
26	101	101	101	101	101	101	101	101
27	101	101	101	101	101	101	101	101
28	101	101	101	101	101	101	101	101
29	101	101	101	101	101	101	101	101
30	101	101	101	101	101	101	101	101
31	101	101	101	101	101	101	101	101
32	101	101	101	101	101	101	101	101
33	101	101	101	101	101	101	101	101
34	101	101	101	101	101	101	101	101
35	101	101	101	101	101	101	101	101
36	101	101	101	101	101	101	101	101
37	101	101	101	101	101	101	101	101
38	101	101	101	101	101	101	101	101
39	101	101	101	101	101	101	101	101
40	101	101	101	101	101	101	101	101
41	101	101	101	101	101	101	101	101
42	101	101	101	101	101	101	101	101
43	101	101	101	101	101	101	101	101
44	101	101	101	101	101	101	101	101
45	101	101	101	101	101	101	101	101
46	101	101	101	101	101	101	101	101
47	101	101	101	101	101	101	101	101
48	101	101	101	101	101	101	101	101
49	101	101	101	101	101	101	101	101
50	101	101	101	101	101	101	101	101

Ngày 01 tháng 01 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2018	Ngày 01 tháng 01 năm 2019	Ngày 01 tháng 01 năm 2020	Ngày 01 tháng 01 năm 2021
101	101	101	101	101

Bảng 4 - Đồng nghiệp mua một căn hộ nhà ở xã hội
Table 4 - Đồng nghiệp mua một căn hộ nhà ở xã hội

Ngày 01 tháng 01 năm 2017	Giá trị quyền lợi nhà ở xã hội				Giá trị trong 05 năm	
	Giá trị quyền lợi nhà ở xã hội		Giá trị quyền lợi nhà ở xã hội		Giá trị trong 05 năm	Giá trị trong 05 năm
	01/01/2017	01/01/2018	01/01/2019	01/01/2020		
01	1	1	1	1	1	1
02	1	1	1	1	1	1
03	1	1	1	1	1	1



INSTRUCTIONS FOR DRUM WINDING

Working Safely with Drums



DO NOT WIND CABLE ON THE DRUM



DO NOT WIND CABLE ON THE DRUM



DO NOT LIFT DRUMS WITH FORK LIFTS



DO NOT LOAD DRUMS ON THE TRUCK



DO NOT LOAD DRUMS ON THE TRUCK



DO NOT LOAD DRUMS ON THE TRUCK

INSTRUCTIONS FOR CABLE PULLING

Working Safely with Cables



DO NOT PULL CABLES ON THE CABLE ITSELF



DO NOT PULL CABLES ON THE CABLE ITSELF



DO NOT PULL CABLES ON THE CABLE ITSELF



DO NOT PULL CABLES ON THE CABLE ITSELF

DO NOT PULL CABLES ON THE CABLE ITSELF



VAN XUAN

WIRE AND CABLE

Hanoi Office

Luikka, Kim Chung, Hanoi City, Hanoi, Vietnam
Tel: (+84-24) 36611110

Hanoi Office

478-Long Chanh, Ho Thinh, Hanoi, Vietnam
Tel: (+84-24) 38121100

Hanoi Office

29-29B Bac Son, Cam Tay, Ho Thinh, Vietnam
Tel (+8424) 78681963

Overseas Offices

HO-Hanoi / Vietnam-Asia / Tel: (+8400) 901754
E-mail: vanxuan@vannxuanable.com.vn

www.vannxuanable.com.vn